

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2009

NUÔI DƯỠNG GIÁ TRỊ,
THU HOẠCH
VĂN HÓA



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VỀ CHÚNG TÔI

- 2 TÔNG QUAN

PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG

- 3 TÂM NHÌN / SỨ MỆNH / GIÁ TRỊ CỐT LÕI

NUÔI DƯỠNG NĂNG LỰC, THU HOẠCH SỰ ĐỒNG LỰC

- 6 THÔNG ĐIỆP CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
12 CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU
14 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
15 BAN KIỂM SOÁT
16 BAN ĐIỀU HÀNH
18 THÔNG TIN CỘ ĐÔNG
19 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

NUÔI DƯỠNG SỨC MẠNH, THU HOẠCH THÀNH TỰU

- 22 TÔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM
25 TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2009

NUÔI DƯỠNG KHÁT VỌNG, THU HOẠCH TÂM NHÌN

- 32 KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
34 KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC
36 CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU 2009
38 NĂNG LỰC CỐT LÕI
— *Công nghệ, Nghiên cứu,
Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ, Nguồn nhân lực*

NUÔI DƯỠNG TIỀM NĂNG, THU HOẠCH CƠ HỘI

- 44 KẾ HOẠCH KINH DOANH 2010
45 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2009

- 46 NỘI DUNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH



NUÔI DƯỠNG GIÁ TRỊ,
THU HOẠCH
VĂN HÓA

Trong năm 2009, HSC nắm bắt được đà phục hồi kinh tế để tạo ra sự thay đổi, nâng tầm sức mạnh của công ty và tăng cường giá trị doanh nghiệp cũng như vị thế trong ngành. Như con hào biển cát thành ngọc trai, mài giũa viên ngọc quý hiếm tượng trưng cho những giá trị tốt đẹp nhất, HSC đã tận dụng những cơ hội nảy sinh từ thị trường đầy thách thức để xây dựng một nền văn hóa lãnh đạo mạnh mẽ, hiệu quả hơn và cách tiếp cận thị trường mang tính chiến lược hơn.

về chúng tôi

TỔNG QUAN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) là một trong những công ty cung cấp các dịch vụ tài chính và đầu tư hàng đầu với các dòng sản phẩm đa dạng tại Việt Nam, một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất Châu Á hiện nay. Chúng tôi tập trung vào các lợi thế cốt lõi trong Nghiên cứu, Công nghệ thông tin và chất lượng Dịch vụ nhằm phục vụ tối đa cho các phân khúc khách hàng chủ chốt trong lĩnh vực khách hàng Cá nhân và khách hàng Tổ chức.

Được thành lập vào tháng 4 năm 2003 do sự hợp tác của hai tổ chức tài chính hàng đầu, Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU), trực thuộc Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh mà nay đổi tên thành Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC) và Tập đoàn Dragon Capital, Công ty quản lý quỹ uy tín nhất tại Việt Nam có nguồn gốc từ Anh Quốc. Chỉ trong vòng 3 năm hoạt động, HSC đã nâng số vốn điều lệ ban đầu 50 tỷ đồng lên gấp đôi đến 100 tỷ đồng năm 2006 và 200 tỷ đồng năm 2007. Tổng vốn điều lệ tăng lên 395 tỷ đồng trong năm 2008 và đến cuối năm 2009 đạt gần 600 tỷ đồng.

Việc tái cấu trúc mô hình hoạt động đã là một thách thức lớn, thế nhưng HSC vẫn mạnh dạn thực hiện trong suốt giai đoạn khó khăn nhất của lịch sử ngành tài chính, cuộc khủng hoảng toàn cầu năm 2008. Sự kiện nổi bật và ý nghĩa nhất là vào tháng 5 năm 2009, HSC đã chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã giao dịch HCM.

Chính nhờ việc quản lý sáng suốt và các kết quả hoạt động nổi bật, HSC khẳng định vị thế của mình là 1 trong 4 công ty chứng khoán hàng đầu cả nước. Ở thời điểm hiện tại, với tổng số vốn gần 600 tỷ đồng (vốn chủ sở hữu là 1.550 tỷ đồng), HSC đã mở rộng mạng lưới chi nhánh lên 3 trung tâm giao dịch ở Thành phố Hồ Chí Minh và 3 trung tâm giao dịch ở Hà Nội. HSC cũng đi đầu trong việc cung cấp các thông tin chính xác, tức thời và an toàn cho nhà đầu tư thông qua hệ thống giao dịch trực tuyến Vi-trade được kết nối trực tiếp đến hai sàn HOSE và HNX.

Các nhà đầu tư ngày càng nhận thức được và cẩn thận hơn với thị trường tài chính không bình ổn. HSC sẽ tiếp tục hoàn thành vai trò của mình trong việc cung cấp thông tin nhanh hơn, tốt hơn, chính xác hơn để giúp khách hàng có những quyết định tài chính thật đúng đắn và nhanh chóng. Ngày nay, đối với các nhà đầu tư, HSC là một đối tác tài chính lý tưởng.

TÂM NHÌN

Chúng tôi phấn đấu trở thành công ty đứng đầu trong ngành và thị trường chứng khoán Việt Nam, trở thành định chế tài chính được tin cậy nhất, đánh giá cao nhất và đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của các thị trường vốn tại Việt Nam.

SỨ MỆNH

Để đạt được mục tiêu này, chúng tôi tạo ra sự khác biệt với một đẳng cấp nổi trội, nâng cao tính chuyên nghiệp, sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và sự gắn kết nhân bản.

phương châm hoạt động

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tại HSC, chúng tôi nỗ lực giữ gìn các giá trị cốt lõi của công ty và coi đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình...

• TÍNH TRUNG THỰC CAO

Xây dựng niềm tin của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác khi mua bán, làm việc và hợp tác với HSC trên thị trường chứng khoán Việt Nam và quốc tế.

• SỰ CỐNG HIẾN NGHỀ NGHIỆP CAO

Ở tất cả các cấp bậc, nhân viên HSC đều cam kết cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, vượt qua sự mong đợi của đối tác, và xây dựng quan hệ tốt đẹp với các đối tác.

• TÍNH CHUYÊN NGHIỆP CAO

Liên tục phát triển và hoàn thiện từ thực tiễn, nâng cao kiến thức chuyên môn và quy trình thực hiện các giao dịch nhằm đem đến lợi ích cao nhất cho khách hàng.

nuôi dưỡng
năng lực,



thu hoạch sự đồng lực



Q U ẢN T R Ị

TẬP THỂ

HSC đã xây dựng “nền tảng cho sự tăng trưởng” bằng việc triển khai hệ thống quản trị doanh nghiệp tập thể trong năm 2009. Hệ thống này đã nâng cao cấu trúc quản lý, trao quyền tự chủ cho các thành viên trong đội ngũ quản lý trung và cao cấp, mang lại cho họ cơ hội tốt hơn trong việc sở hữu và đóng góp vào sự phát triển của công ty.

Quản trị tập thể cho phép HSC nuôi dưỡng năng lực trong hàng ngũ lãnh đạo, tận dụng kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của các thành viên Ban điều hành và thu hoạch sự đồng lực để cải thiện các quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động cho công ty.

SỰ HÌNH THÀNH CỦA MỘT VIÊN NGỌC

THÔNGIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH

**Kính thưa các cổ đông, khách hàng,
các đối tác và đồng nghiệp**

Một năm đầy biến động nhưng với một sự chuyển biến ngoạn mục

Năm 2009 đã đem đến thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như những thành viên tham gia thị trường nhiều ngạc nhiên. Tuy nhiên, với nhiều tình huống biến động, thị trường chứng khoán Việt Nam đã đem lại cho các thành viên tham gia thị trường, bao gồm cả HSC, nhiều cơ hội bất ngờ và lợi nhuận qua năm 2009.

Trong 3 tháng đầu năm, tổng giá trị giao dịch bình quân hàng ngày của cả HOSE và HNX đạt dưới 300 tỷ đồng khiến nhiều người, trong đó có cả HSC nghĩ đến tình huống xấu nhất của thị trường và chuẩn bị tâm lý đối phó với một giai đoạn khủng hoảng kéo dài.

Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp kích thích nhằm đưa nền kinh tế vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính đang diễn ra vào giai đoạn này và những biện pháp này đã đem lại những kết quả khả quan, giúp thị trường chứng khoán hồi phục trở lại bắt đầu từ Q2/2009. Sự quay đầu ngoạn mục của thị trường đã kéo dài trong những tháng sau đó đến cuối năm, mặc dù có suy giảm đôi chút vào hai tháng cuối của năm 2009. Trong hầu hết khoảng thời gian Q2 và Q3, khối lượng giao dịch của thị trường cổ phiếu tăng gấp nhiều lần so với khối lượng giao dịch trong Q1, giá trị giao dịch bình quân ngày đạt 2,5 nghìn tỷ đồng trong năm 2009 và có những phiên giao dịch, giá trị giao dịch đạt 9 nghìn tỷ đồng, gấp 30 lần giá trị giao dịch bình quân ngày của 3 tháng đầu năm.

Ban Điều hành

Từ phải sang trái:

1. Ông Johan Nyvene
2. Ông Phạm Minh Phương
3. Ông Lê Công Thiện
4. Ông Fiachra Mac Cana
5. Ông Bạch Quốc Vinh
6. Ông Kelly Yin Hon Wong
7. Ông Trịnh Hoài Giang
8. Ông Johan Kruimer



Với khối lượng giao dịch đạt kỷ lục đồng thời VN Index cuối năm tăng 60% so với đầu năm, HSC đã khép lại năm tài chính 2009 với kết quả kinh doanh tốt đẹp với mức lợi nhuận khả quan. Với lợi nhuận thuần trước thuế đạt 336 tỷ đồng và lợi nhuận thuần sau thuế đạt 278 tỷ đồng, chúng tôi đã vượt kế hoạch đặt ra cho năm 2009 được thông qua tại Đại hội cổ đông là 126%.

Một trong những bước tiến quan trọng nhất của ngành kinh doanh chính của chúng tôi là sự tăng kỷ lục tại HSC về doanh thu từ phí môi giới và tỷ lệ của phí môi giới trong tổng doanh thu. Doanh thu từ phí môi giới tăng 256% so với năm 2008 và đóng góp 30% trong tổng doanh thu so với những năm trước, khi tỷ trọng doanh thu từ phí môi giới thường chiếm từ 15%-20% trong tổng doanh thu. Với thế mạnh trong cả hai phân khúc nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân trong lĩnh vực môi giới, chúng tôi đã nâng được thị phần môi giới của HSC từ 4,5% năm 2008 lên khoảng 5% năm 2009, giúp HSC trở thành 1 trong 4 công ty có thị phần lớn nhất trong một lĩnh vực kinh doanh cạnh tranh hết sức gay gắt với hơn 100 công ty chứng khoán trên toàn quốc.

Đây là năm đầu tiên doanh thu phí từ hoạt động môi giới của HSC đã đạt chỉ tiêu đủ bù đắp cho tất cả các chi phí hoạt động của công ty, đồng nghĩa với việc tất cả doanh thu từ việc đầu tư và kinh doanh nguồn vốn chủ sở hữu sẽ được đem về cho cổ đông của công ty. Hơn nữa, thành tựu này cho thấy chúng tôi đang đi theo đúng chiến lược vạch ra là tập trung đẩy mạnh các lĩnh vực kinh doanh thu phí mà cụ thể là lĩnh vực kinh doanh

môi giới, nhằm giảm thiểu rủi ro đầu tư tự doanh, vốn là một lĩnh vực kinh doanh phổ biến của các công ty chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Là hạt nhân của mạng lưới kinh doanh môi giới khách hàng cá nhân, nguyên tố con người là tài sản lớn nhất và thành công đáng kể nhất của HSC. Chúng tôi đã tạo ra được một cơ cấu cấp bậc hiệu quả, trong đó mạng lưới phân phối sản phẩm tư vấn và môi giới của HSC được chia thành các khu vực (miền Bắc và miền Nam), các phòng giao dịch, địa điểm kinh doanh, các tổ chức môi giới, và cuối cùng là các nhân viên môi giới và nhân viên phát triển kinh doanh. Bên cạnh các nhân viên phát triển kinh doanh, mạng lưới phòng giao dịch và môi giới đã được mở rộng trong năm 2009 lên 6 địa điểm, gồm 3 địa điểm tại TP.HCM và 3 địa điểm tại Hà Nội.

Ngoài mạng lưới môi giới, thì một trong những nguyên tố góp phần vào việc tăng thị phần của HSC là việc chúng tôi đã giới thiệu các sản phẩm hỗ trợ thanh toán, giúp các nhà đầu tư cá nhân có thêm khả năng tăng dùng đòn bẩy tài chính trong giao dịch và đầu tư chứng khoán. Lợi thế lớn của HSC so với các đối thủ cạnh tranh khác về khả năng cung cấp sản phẩm hỗ trợ thanh toán là tiềm lực tài chính mạnh với nguồn vốn chủ sở hữu đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (tổng nguồn vốn trên bảng cân đối kế toán khoảng 2 nghìn tỷ đồng). Chính lượng vốn này đã giúp HSC không bị phụ thuộc nhiều vào các ngân hàng thương mại và nhờ đó tránh được tác động của những biến động trên thị trường tín dụng ngân hàng mà các công ty chứng khoán khác và các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán thường gặp phải. Kể từ khi

THÔNG DIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH

VỚI LỢI NHUẬN THUẦN TRƯỚC THUẾ ĐẠT 336 TỶ ĐỒNG VÀ LỢI NHUẬN THUẦN SAU THUẾ ĐẠT 278 TỶ ĐỒNG, HSC ĐÃ VƯỢT KẾ HOẠCH ĐẶT RA CHO NĂM 2009 ĐƯỢC THÔNG QUA TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG LÀ 126%.

bắt đầu đưa ra chương trình hỗ trợ thanh toán, chúng tôi đã dành 30% trong tổng tài sản (40% tổng vốn chủ sở hữu) cho những dịch vụ này. Chúng tôi dự báo nhu cầu vốn cho những chương trình hỗ trợ thanh toán này sẽ tăng nhanh trong tương lai, khi mà dịch vụ hỗ trợ thanh toán trở nên quen thuộc và phổ biến hơn với các nhà đầu tư cá nhân, và đồng thời khi mạng lưới kinh doanh của chúng ta tiếp tục được mở rộng. Với công nghệ hiện đại và năng lực quản lý rủi ro của mình, chúng tôi đã dần thay thế cho các chương trình cho vay cầm cố bằng cổ phiếu do các ngân hàng cung cấp và sản phẩm “repo” của những cổ phiếu chưa niêm yết bằng các dịch vụ hỗ trợ thanh toán.

Để mở rộng phạm vi hoạt động trên thị trường, chúng tôi đã đặt mục tiêu chiến lược thu hút và khuyến khích khách hàng đặt lệnh qua kênh Internet. Trong năm 2009, chúng ta đã nâng cấp Vi-Trade – hệ thống giao dịch qua internet của HSC và đưa vào sử dụng hệ thống VIP-Trade – một hệ thống đặt lệnh thông qua Internet cộng với một cổng thông tin giao dịch thời gian thực. Với những phần mềm này, chúng ta đã đạt được những kỷ lục mới về khối lượng giao dịch thông qua Internet. Năm 2009, tỷ lệ giao dịch thông qua Internet trong tổng khối lượng giao dịch tại HSC tăng từ 16% lên 42%, và số lượng các tài khoản đăng ký giao dịch qua internet chiếm 48% tổng số tài khoản cá nhân mở tại HSC vào cuối năm 2009, có nghĩa là tăng 1,064% trong năm. Chúng ta cũng đã ký một thỏa thuận hợp tác với HD Bank – ngân hàng thương mại đối tác chính của chúng ta trong việc phân phối và phát triển sản phẩm Vi-Trade đến với khách hàng trong hệ thống chi nhánh bán lẻ của HD Bank.

Trong lĩnh vực môi giới cho nhà đầu tư tổ chức, HSC đã liên tục duy trì được vị thế dẫn đầu của mình trong năm 2009, và trong từng tháng luôn đứng thứ 1 hoặc thứ 2 xét về mặt thị phần (theo báo cáo của HOSE). Năng lực phân tích đóng vai trò quan trọng nhất trong lĩnh vực Môi giới khách hàng tổ chức và các sản phẩm nghiên cứu, phân tích của HSC tiếp tục được các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước đón nhận và đánh giá cao.

Sức mạnh tài chính cũng là một nguyên tố quan trọng thể hiện năng lực của chúng tôi trong việc phục vụ các nhà đầu tư tổ chức trong việc bảo lãnh phát hành và cung cấp thanh khoản. Trong năm 2009, chúng ta đã tiến hành một số các giao dịch repo trái phiếu với các nhà đầu tư trái phiếu tổ chức và trong năm đã sử dụng 15% tài sản của mình vào những chương trình repo trái phiếu.

Mặc dù chúng ta đã chủ trương tiến hành một chiến lược giảm bớt hoạt động đầu tư tự doanh, trong năm 2009, chúng ta vẫn còn bình quân 550 tỷ đồng (tương đương 27% tổng tài sản) trái phiếu Chính phủ mua được từ năm 2008, là di sản của một cơ hội đầu tư lớn vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam trong giai đoạn biến động lãi suất, và một danh mục cổ phiếu trị giá 330 tỷ đồng (tương đương 16% tổng tài sản) gồm cả cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mua vào từ những năm trước. Chúng tôi đã lựa chọn được những thời cơ tốt để chốt lời cả danh mục cổ phiếu và trái phiếu của mình. Vào cuối năm 2009, giá trị danh mục trái phiếu nắm giữ đã giảm 90% và giá trị danh mục cổ phiếu được duy trì ở mức khoảng 300 tỷ đồng, tương đương 15% tổng tài sản. Việc bán ra danh mục trái phiếu nắm giữ đã đem lại lợi nhuận 119 tỷ đồng, tương đương tỉ suất sinh lời là 22%. Việc chốt lời và hoàn nhập dự phòng danh mục cổ phiếu cũng đem lại 77 tỷ đồng lợi nhuận, tương đương tỉ suất sinh lời là 23,4% (bao gồm cả cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Tỉ suất sinh lời của riêng danh mục cổ phiếu niêm yết là 45%).

Mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp của chúng ta đã gặp phải những thách thức lớn trong năm 2009, bắt nguồn từ sự suy yếu của thị trường diễn ra từ cuối năm 2008 và sự suy yếu này đã ảnh hưởng tới những hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp trong Q1/2009. Lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp đòi hỏi một thời gian nhất định để có thể chuyển hóa những triển vọng thành lợi nhuận thực sự và đến khi thị trường phục hồi vào Q2/2009 thì khoảng thời gian đánh mất đã đủ làm ảnh hưởng không tốt đến kết quả kinh doanh của bộ phận Tư vấn Tài chính Doanh Nghiệp của chúng ta. Doanh thu trong 6 tháng đầu năm rất hạn chế và đến Q4/2009 mới bắt đầu tăng trở lại khiến kết quả kinh doanh cả năm từ những hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp của chúng ta đạt kết quả thấp.

Mảng kinh doanh trên thị trường sơ cấp cũng chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và với đà phục hồi chậm của nền kinh tế thế giới, mức độ quan tâm của các nhà đầu tư đến Việt Nam cũng thấp. Tình hình thị trường đã cải thiện hơn trong 6 tháng cuối năm và điều này đã tạo thuận lợi một chút cho hoạt động kinh doanh của

chúng ta, đồng thời tạo tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh khi bước sang năm 2010.

Từ tầm nhìn chiến lược kinh doanh thì 2009 là một năm chuyển tiếp và củng cố của Bộ phận Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp tại HSC. Chúng tôi đã tái thiết lập mô hình kinh doanh và đầu tư mạnh vào nguồn nhân lực và các hệ thống nhằm đón đầu sự thay đổi trong yêu cầu thị trường về chất lượng dịch vụ. Nguồn nhân lực đã được hình thành là một nhân tố quan trọng trong chiến lược phát triển và trở thành nhân tố quan trọng thứ 3 tạo nên tiềm lực của chúng ta bên cạnh tiềm lực tài chính và danh tiếng của công ty. Năng lực tổng thể của chúng ta đã được nâng lên đáng kể thông qua sự đầu tư vào chất lượng nhân lực, thể hiện ở sự cải thiện đáng kể ở chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Với sự đồng lòng nhất trí, đội ngũ nhân viên của HSC làm việc với phương châm hướng tới khách hàng – là phương châm kinh doanh sẽ đem lại thành quả trong hai năm tới.

Nhìn trước trong năm 2010, chúng tôi thấy sẽ có thêm nhiều giao dịch với quy mô và chất lượng cao hơn. Đây là một trong những thay đổi trong đặc điểm chuyển biến của thị trường năm 2010, mà trong đó, các nhà đầu tư sẽ tìm kiếm những giao dịch mua bán có quy mô lớn hơn và chất lượng tốt hơn. Nhìn trước được điều này, chúng tôi đã thực hiện một số đầu tư cần thiết trong năm 2009 nhằm chuẩn bị để đón đầu xu hướng mới, đồng thời sẽ tiếp tục đầu tư trong năm 2010 và những khoản đầu tư này sẽ đem lại thành quả lợi nhuận từ năm 2011 trở đi.

Dưới đây là một số thông tin và số liệu điển hình về cơ cấu doanh thu 2009 của chúng ta:

1. Tổng doanh thu đạt cao hơn kế hoạch là 128% trong khi chi phí hoạt động (không bao gồm chi phí thường) tăng vượt ngân sách 65%.
2. Số giao dịch thực hiện qua HSC và doanh thu từ phí môi giới trong năm 2009 của chúng ta đạt cao nhất từ trước đến nay (doanh thu từ phí môi giới tăng 188% so với kế hoạch). Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động tự doanh, gồm cả tự doanh trái phiếu và cổ phiếu vẫn chiếm hơn 50% trong tổng doanh thu.
3. Bên cạnh doanh thu từ hoạt động giao dịch trái phiếu và cổ phiếu, thì doanh thu từ phí môi giới khách hàng cá nhân cũng là nguồn doanh thu lớn, chiếm 14% tổng doanh thu thuần của HSC và vượt 233% kế hoạch đặt ra.

4. Trong năm đầu tiên triển khai, doanh thu từ các dịch vụ hỗ trợ thanh toán chiếm 10% tổng doanh thu thuần và có vẻ doanh thu từ mảng này tăng trưởng cùng tốc độ với doanh thu từ phí giao dịch môi giới khách hàng cá nhân.
5. Doanh thu từ phí môi giới khách hàng tổ chức chiếm 25% trong tổng doanh thu từ phí môi giới (xấp xỉ bằng hơn một phần ba, tức 36% doanh thu từ phí môi giới khách hàng cá nhân).

Một chương mới trong lịch sử phát triển của HSC

2009 là một năm lịch sử đối với HSC khi chúng ta niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và là công ty chứng khoán thứ hai tại Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên HOSE. Vào ngày 19/05/2009, chúng ta đã niêm yết gần 40 triệu cổ phiếu HSC với mã cổ phiếu là HCM với giá chào sàn là 27.000đ/cp (vào thời điểm ngày 30/06/2009, giá trị sổ sách của cổ phiếu HCM là 36.099đ). Lý do chúng tôi đưa ra mức giá chào sàn thấp hơn giá trị sổ sách là do vào thời điểm này, giá cổ phiếu HSC trên thị trường tự do (OTC) là vào khoảng 20.000đ/cp. Do vậy, việc đưa ra mức giá chào sàn 27.000đ/cp là hợp lý, giá này nằm giữa giá cổ phiếu trên OTC và giá trị sổ sách.

Sau khi cổ phiếu HCM chào sàn, chúng ta đã chứng kiến một sự kiện ngoạn mục chưa từng thấy trên HOSE là giá cổ phiếu của chúng tôi đã tăng kịch trần (tức tăng 5%/ngày) trong 20 phiên liên tiếp (do không có nhà đầu tư bán ra), và lập một kỷ lục mới trên sàn HOSE. Giá cổ phiếu HCM đã đạt mức cao nhất là 102.000đ vào ngày 22/10/2009 khi VN Index đạt 624 điểm. Giá cổ phiếu của chúng ta vào thời điểm đóng cửa thị trường ngày 31/12/2009 là 57.500đ (thực tế là 86.250đ trước khi bị pha loãng), tăng 219% kể từ thời điểm niêm yết (trong khi VN Index tăng 58% trong năm 2009).



THÔNGIỆP TỪ BAN ĐIỀU HÀNH

CHÚNG TÔI TIN TƯỞNG RẰNG SỰ
“NUÔI DƯỠNG” NỀN MÓNG PHÁT TRIỂN
VÀ ĐỘNG CƠ TĂNG TRƯỞNG CỦA HSC
SẼ TẠO RA MỘT CÔNG TY VỮNG MẠNH,
CÓ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH VỚI
THƯƠNG HIỆU CÓ GIÁ TRỊ.



Với lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu (EPS) 2009 đạt trên 7.000đ và tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân là 19,4%, chúng tôi tin rằng HSC là một trong những công ty chứng khoán có tỷ suất lợi nhuận cao nhất thị trường. Hơn thế nữa, giá cổ phiếu của chúng ta còn trở thành một chuẩn mực cho các cổ phiếu tài chính khác, trong đó, công ty chúng ta được xếp vào một trong những tên tuổi được đánh giá cao nhất trong ngành chứng khoán tại Việt Nam và giá cổ phiếu của chúng ta phản ánh được thanh thế này.

Vào cuối năm 2009, các cổ đông của HSC đã thông qua và Ủy ban chứng khoán đã chấp thuận việc phát hành 19.699.386 cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 2:1 với mệnh giá 10.000đ/cp từ nguồn thặng dư vốn. Sau đợt phát hành thêm này, số cổ phiếu lưu hành của chúng ta tăng lên 59.162.786 đơn vị và với mức giá 62.000đ/cp (vào thời điểm chúng tôi viết Thông điệp này), thì vốn hóa của HSC là 3,67 nghìn tỷ đồng.

Nuôi dưỡng một văn hóa doanh nghiệp

Việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE đồng nghĩa với việc HSC đã trở thành một công ty có cơ cấu cổ đông thực sự đa dạng,

với các cổ đông thuộc các đối tượng khác nhau, trong đó, một phần ba số cổ phần của HSC là do Nhà nước sở hữu, một phần ba là do các nhà đầu tư nước ngoài sở hữu và một phần ba là do các cổ đông đại chúng nắm giữ. Khi chúng ta tiến lên một trình độ phát triển cao hơn, thì yêu cầu về hiệu quả quản trị và năng lực của đội ngũ quản lý cấp cao với những bề dày kinh nghiệm thuộc nhiều lĩnh vực đã tạo ra một sự thay đổi trong văn hóa quản trị tại HSC theo đường lối “*Quản Trị Tập Thể*” (Collective Management). Là một công ty có đặc điểm ở sự đa dạng trong cơ cấu cổ đông, cơ cấu nhân sự, và phân khúc khách hàng, nên việc truyền thông và hình thành chính sách sẽ còn gặp phải những thách thức mà chúng ta vẫn phải tiếp tục khắc phục một cách kiên nhẫn, sáng tạo và linh hoạt. Trong năm 2010, chúng tôi dự kiến sẽ đầu tư thêm vào việc đào tạo kỹ năng truyền thông nhằm nâng cao ý thức của đội ngũ nhân viên về văn hóa ngày một chuyên biến chuyên nghiệp hơn của HSC, nhằm phổ biến văn hóa “*Quản Trị Tập Thể*”.

Chúng tôi tiếp tục quản lý điều hành HSC theo từng chức năng kinh doanh và theo chiều địa lý. Mô hình quản trị hai chiều mặc dù tưởng chừng như có những đường báo cáo chông chéo, đã làm chặt chẽ việc truyền thông liên lạc trong nội bộ, và gia tăng trách nhiệm ở các cấp. Trong khi mỗi đơn vị chức năng quản lý chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của riêng đơn vị mình, thì các Giám đốc Điều hành có cùng trách nhiệm và quyền hạn trong việc góp phần điều hành toàn bộ công ty, hỗ trợ tất cả các mảng kinh doanh. Thêm vào đó, chúng tôi đã thành lập các Ủy ban cụ thể theo chức năng (gồm một Ban Đầu tư và một Ban Quản lý rủi ro) có sự tham gia của nhiều Giám đốc Điều hành nhằm đưa ra những định hướng và quyết sách mang tính tập thể tại những lĩnh vực nói trên.

Không ngừng củng cố cơ cấu quản trị

Năm 2009, HSC đã lần đầu tiên bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Điều hành (COO). Việc bổ nhiệm này giúp củng cố đội ngũ Quản trị cao cấp của chúng ta nhằm mục đích nâng cao năng lực quản trị rủi ro và năng lực xử lý các nghiệp vụ kinh doanh của chúng ta nhằm thích nghi và đón đầu một môi trường kinh doanh ngày càng phát triển. Chắc chắn là trong tương lai, khi thị trường phát triển thì các hoạt động giao dịch ký quỹ, bán khống và các sản phẩm phái sinh cũng sẽ phát triển theo. Ngoài ra, việc củng cố năng lực điều hành và năng lực quản trị rủi ro cũng nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới kinh doanh hiện đang được phát triển mạnh tại HSC.

THÔNGIỆP TỪ
BAN ĐIỀU HÀNH

Ngoài vị trí Phó Tổng Giám đốc Điều hành, chúng ta cũng đã bổ nhiệm những vị trí mới khác trong Ban Quản trị cao cấp bao gồm Giám đốc Điều hành Kinh doanh Môi giới Khách hàng cá nhân, Giám đốc Điều hành Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, và Giám đốc Điều hành Khu vực phía Bắc. Việc củng cố đội ngũ quản lý của các chức năng kinh doanh và các chức năng hỗ trợ đến nay đã cơ bản hoàn thành và chúng tôi tin tưởng rằng HSC có đầy đủ cơ sở để có thể phát triển bền vững.

Nuôi dưỡng một tương lai

Nhằm chuẩn bị cho sự tăng trưởng và phát triển bền vững, chúng tôi đã đầu tư vào một phần của một tòa nhà trang trọng tại khu vực trung tâm của Quận 1, TP.HCM, nơi trong tương lai gần có thể sẽ là hội sở chính của công ty. Chúng tôi đã thuê dài hạn 2.000m² trong thời hạn 40 năm của Tòa nhà A&B và dự kiến chuyển hội sở đến tòa nhà này vào khoảng cuối năm 2010. Lợi ích của việc thuê ổn định một văn phòng ở vị trí trung tâm có thể giúp chúng ta tránh được những biến động trên thị trường cho thuê văn phòng, cũng như cho phép chúng ta đầu tư để thiết lập một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin mạnh – là xương sống trong lĩnh vực môi giới chứng khoán và cũng là một trong những lợi thế cạnh tranh mạnh của HSC.

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin của chúng ta đã không ngừng chứng tỏ HSC là một công ty chứng khoán đứng đầu nếu nói về tỷ lệ tốc độ lệnh thành công nhanh nhất tại sàn HOSE. Đầu năm 2010, HSC cũng là một trong số ít các công ty chứng khoán đầu tiên đủ tiêu chuẩn và được HNX lựa chọn để thực hiện giao dịch thông sàn giai đoạn đầu tiên.

Thời điểm thu hoạch

Qua hai tháng đầu năm 2010, chúng tôi có thể thấy có nhiều dấu hiệu cho thấy 2010 sẽ là năm vẫn còn có nhiều thách thức đối với thị trường và ngành chứng khoán. Tuy nhiên, chúng tôi tin tưởng rằng sự “nuôi dưỡng” nền móng phát triển và động cơ tăng trưởng của HSC sẽ tạo ra một công ty vững mạnh, có khả năng cạnh tranh với thương hiệu được đánh giá cao. Nhân dịp này, chúng tôi muốn bày tỏ lòng trân trọng trước sự tin tưởng và hỗ trợ vững vàng mà tất cả các cổ đông, nhà đầu tư chiến lược, khách hàng, đối tác, và các đồng nghiệp đã dành cho chúng tôi. Một lần nữa chúng tôi xin thể hiện sự quyết tâm và cam kết rằng chúng tôi sẽ làm việc không mệt mỏi và tiếp tục công việc mài giũa HSC thành một viên ngọc quý với một đẳng cấp riêng biệt.

Ngày 31 tháng 3 năm 2010

Ban Điều hành công ty HSC



Johan Nyvene
Tổng Giám đốc



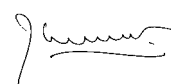
Trịnh Hoài Giang
Phó Tổng Giám đốc Điều hành



Lê Công Thiện
Giám đốc Điều hành
Bộ phận Kinh doanh Môi giới
Khách hàng Cá nhân



Phạm Minh Phương
Giám đốc Điều hành
Bộ phận Đầu tư Tài chính



Johan Kruimer
Giám đốc Điều hành
Bộ phận Kinh doanh Môi giới
Khách hàng Doanh nghiệp



Fiachra Mac Cana
Giám đốc Điều hành
Bộ phận Nghiên cứu



Kelly Yin Hon Wong
Giám đốc Điều hành
Bộ phận Tài chính Doanh nghiệp



Bạch Quốc Vinh
Giám đốc Điều hành
Khu vực phía Bắc

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU NĂM 2009

	2005	2006	2007	2008	2009
Kết quả hoạt động kinh doanh (Triệu đồng)					
Doanh thu thuần	16.550	119.654	230.513	285.591	318.507
Trong đó:					
- Môi giới chứng khoán	706	7.650	33.517	32.601	121.204
- Tự doanh (thuần)	12.380	103.033	174.179	150.792	95.024
- Dịch vụ tài chính doanh nghiệp	2.054	2.897	3.543	8.719	3.147
- Dịch vụ hỗ trợ thanh toán	457	4.886	13.301	30.547	43.742
- Lãi tiền gửi	953	1.188	5.973	62.932	55.390
Chi phí hoạt động	10.065	18.313	50.275	71.922	116.895
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	-	-	-	157.468	(108.459)
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng nợ khó đòi	-	-	32.082	32.654	(11.807)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	6.485	101.341	148.156	23.547	321.878
Lợi nhuận/(lỗ) khác	1.872	(135)	(58)	(4)	14.435
Lợi nhuận trước thuế	8.357	101.206	148.098	23.543	336.313
Lợi nhuận sau thuế	7.869	90.970	132.145	23.543	278.119

Bảng cân đối kế toán (Triệu đồng)

Tổng tài sản	200.748	389.953	1.322.158	1.479.210	2.089.537
Vốn chủ sở hữu	62.094	160.881	649.443	1.316.046	1.538.496

Các chỉ tiêu tài chính

Thu nhập trên vốn cổ phần trung bình (ROAE)	11,4%	50,3%	25,4%	1,8%	19,5%
Thu nhập trên tài sản trung bình (ROAA)	5,7%	30,8%	15,4%	1,7%	15,6%

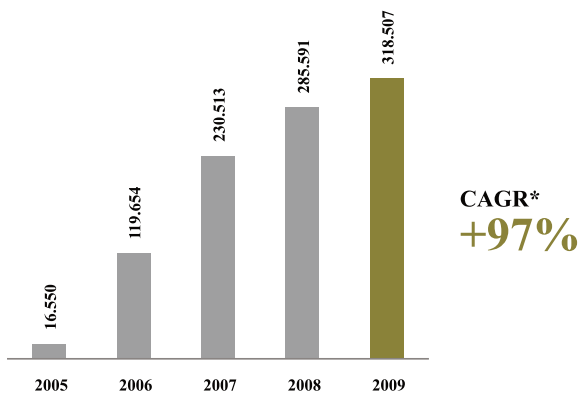
Chỉ tiêu cho 1 đơn vị cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu	5.000.000	10.000.000	20.000.000	39.463.400	39.463.400
Thu nhập trên 1 cổ phiếu - VNĐ	1.574	9.097	10.718	601	7.056
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu - VNĐ	12.419	16.088	32.472	33.349	38.985
Cổ tức	1.300	1.300	1.500	1.000	2.000 ^(*)

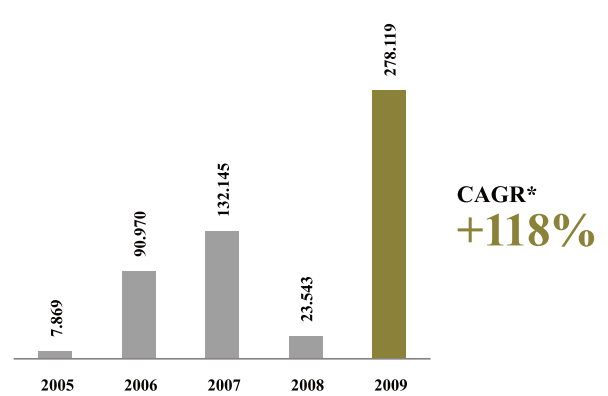
(*): Số liệu tạm tính

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU NĂM 2009

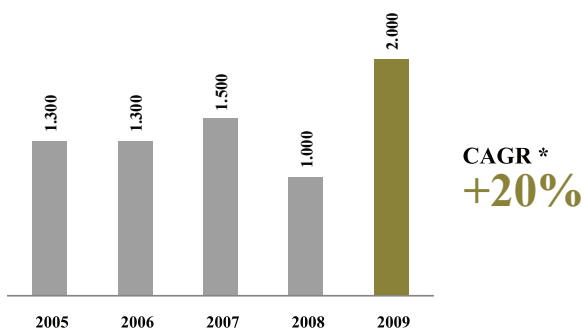
Doanh thu (Triệu đồng)



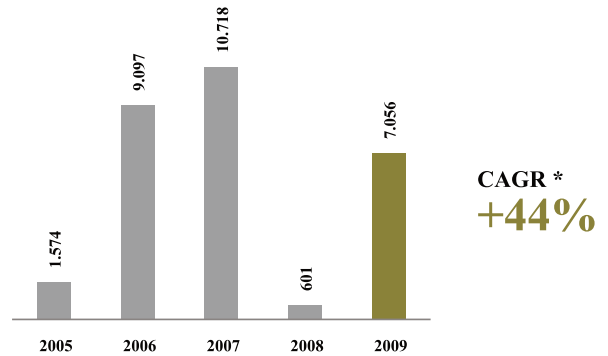
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)



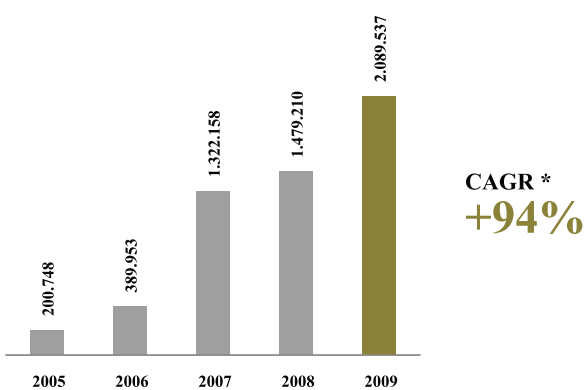
Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)



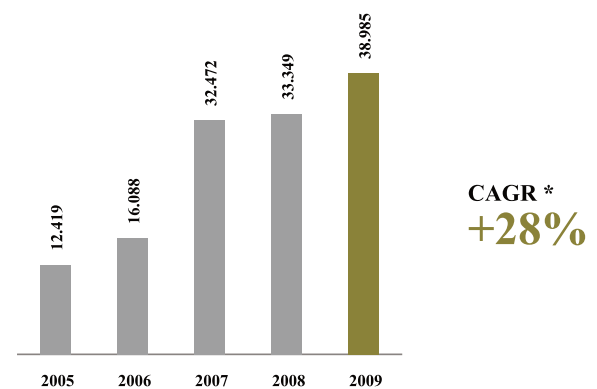
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)



Tổng tài sản (Triệu đồng)



Giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu (VNĐ)



CAGR*: Tốc độ tăng trưởng bình quân trong 5 năm

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



1. Bà NGÔ KIM LIÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Giữ chức vụ Chủ tịch Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM (HFIC) từ tháng 3 năm 2010.
- Giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị HSC từ tháng 06/2007.
- Giữ chức vụ Tổng Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU).
- Công tác tại Sở Tài chính TP.HCM với cương vị Phó Giám đốc.
- Tốt nghiệp trường Đại học Tài chính kế toán TP.HCM.
- Bà Liên đã có những đóng góp quan trọng trong việc quản trị và xây dựng chiến lược phát triển để HSC trở thành 1 trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam.

2. Ông LÊ ANH MINH

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Gia nhập Tập đoàn Dragon Capital với cương vị Giám đốc từ năm 2002, chịu trách nhiệm về các hoạt động tài chính của Tập đoàn.
- Giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch HIFU từ năm 1977
- Giữ vai trò Giám đốc Tài chính của Coca-Cola Đông Nam Á trong 4 năm liền.
- Từ năm 1994-1996, giám sát bộ phận Phát triển kinh doanh và phòng Tín dụng với cương vị Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đại Nam.
- Năm 1991, bắt đầu làm việc tại Peregrine Capital, đồng thời hoàn thành việc tiếp quản lần đầu và tái cơ cấu trong vòng một năm Ngân hàng Đại Nam.
- Là nghiên cứu sinh Fulbright, Ông tốt nghiệp Cử nhân trường Đại học Ngân hàng và tốt nghiệp sau đại học trường kinh doanh Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, Hoa Kỳ.

3. Ông ĐỖ HÙNG VIỆT

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị từ giữa năm 2006 đến nay.
- Ông có nhiều đóng góp đáng kể trong quá trình hoạt động của HSC nhờ vào kinh nghiệm nhiều năm trong lĩnh vực chứng khoán.
- Từ năm 1998 đến năm 2002, là Trưởng phòng các nguồn vốn ủy thác tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU) và là một trong những thành viên tích cực trong Ban vận động thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán TP.HCM.
- Tốt nghiệp cử nhân khoa Quản trị kinh doanh tại Đại học Kinh tế TP.HCM vào năm 1995, ngành Ngân hàng - Ngoại hối trường Đại học Kinh tế năm 1977 và tham gia học Đại học Luật Sài Gòn chuyên ngành Tư pháp từ năm 1972 đến 1975.

4. Ông JOHAN NYVENE

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Giữ chức vụ Tổng Giám đốc và là Thành viên Hội đồng Quản trị của HSC từ năm 2007.
- Gia nhập Tập đoàn Dragon Capital với cương vị Giám đốc vào năm 2007 sau 17 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng Doanh nghiệp.
- Giữ nhiều vị trí quan trọng của Ngân hàng HSBC Việt Nam từ năm 1998 đến 2007.
- Công tác tại Ngân hàng Wachovia tại Hoa Kỳ trong 9 năm liền.
- Từng là Ủy viên Hội đồng Quản trị của Phòng Thương mại Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp ngành Tài chính tại trường Đại học Philadelphia và Đại học Lasalle tại Philadelphia, bang Pennsylvania, Hoa Kỳ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Ông HOÀNG ĐÌNH THẮNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Là Thành viên Hội đồng Quản trị từ tháng 6 năm 2007.
- Từ năm 1990 đến năm 1993, là Phó phòng Đầu tư tại Công ty Lisin.
- Giữ chức vụ Trưởng phòng Kế hoạch Quỹ đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU) từ năm 1997.
- Nhận bằng Tiến sỹ Kinh tế tại Viện kinh tế Trung Á, Taskent, Liên Xô (cũ).
- Với kiến thức sâu rộng về kinh tế cùng những kinh nghiệm lãnh hội tại Viện kinh tế Taskent đã giúp ông phát huy kỹ năng lãnh đạo và kinh doanh góp phần cho sự phát triển của HSC.

6. Ông PHẠM NGHIÊM XUÂN BẮC

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Là thành viên Hội đồng Quản trị từ năm 2003.
- Từ năm 1999, là Tổng Giám đốc Công ty Vision & Associates.
- Từng giữ nhiều chức vụ như Chuyên viên pháp lý, Cục Sáng chế – Bộ Khoa học và Công nghệ, Phó Chủ tịch, Phó Tổng Giám đốc thứ 1, Luật sư tại Tập đoàn Investconsult Group, Việt Nam.

- Tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành cơ khí Ô tô tại Học viện cơ khí Ô tô Mátxcova, Liên Xô (cũ) vào năm 1984, sau đó hoàn thành Chương trình sau Đại học tại Học viện Luật Sở hữu trí tuệ Mátxcova, Liên Xô (cũ) vào năm 1985, Cử nhân Luật tại Đại học Luật tổng hợp Hà Nội vào năm 1995. Ông đã hoàn thành chương trình học và nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Đại học quản lý Henley London vào năm 2001.
- Ông đã có nhiều đóng góp quan trọng cho HSC trong các lĩnh vực liên quan đến Pháp lý.

7. Ông NGUYỄN QUYẾT CHIẾN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Là thành viên Hội đồng Quản trị từ năm 2003.
- Công tác trong lĩnh vực đầu tư và tài chính gần 20 năm.
- Là Giám đốc Kế hoạch – Hành chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật TP.HCM từ năm 2006.
- Từng làm Trưởng Ban Tài chính chứng khoán tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM từ năm 1997 đến năm 2006.
- Hoàn thành chương trình Tiến sỹ Quản trị kinh doanh tại Đại học Kinh tế TP.HCM năm 2003.

BAN KIỂM SOÁT



1. Ông VÕ VĂN CHÂU

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban Kiểm soát của HSC.

2. Bà NGUYỄN THỊ THANH VÂN

ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ủy viên Ban Kiểm soát đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Tự Lực.

3. Ông ĐOÀN VĂN HINH

ỦY VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ủy viên Ban Kiểm soát đồng thời là Giám đốc Tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu Tư – Phát triển Sài Gòn Co-op.

BAN ĐIỀU HÀNH



1. Ông JOHAN NYVENE TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giữ chức vụ Tổng Giám đốc HSC từ năm 2007.
- Gia nhập Tập đoàn Dragon Capital với cương vị Giám đốc từ năm 2007.
- Giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng HSBC Việt Nam từ năm 1998 đến năm 2007.
- Công tác tại Ngân hàng Wachovia, Hoa Kỳ trong 9 năm liền.
- Tốt nghiệp ngành Tài chính tại trường Đại học Philadelphia và Đại học La Salle ở Hoa Kỳ.

2. Ông PHẠM MINH PHƯƠNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH Bộ phận Đầu tư Tài chính

- Giữ nhiều chức vụ quản lý cấp cao tại Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP.HCM (HIFU) trước khi gia nhập HSC.
- Khởi nghiệp tại Công ty Đầu tư & Thương mại PETEC.
- Tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế tại trường Đại học Ngoại Thương TP.HCM và có 2 bằng Thạc Sĩ về Quản trị kinh doanh và Tài chính tại trường Đại học Bentley, Boston, Hoa Kỳ.

3. Ông TRINH HOÀI GIANG PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

- Là Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp của Tập đoàn Dragon Capital trước khi gia nhập HSC.
- Là thành viên của Diễn đàn Thị trường Trái phiếu Việt Nam.
- Khởi nghiệp tại Vietcombank và được nhận học bổng Fulbright danh tiếng.
- Tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin tại trường Đại học Công nghệ và trường Đại học Tài chính Kinh tế TP.HCM, bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Thunderbird, Hoa Kỳ.

4. Ông KELLY WONG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH Bộ phận Tài chính Doanh nghiệp

- Là Trưởng phòng Quan hệ doanh nghiệp tại Ngân hàng HSBC Việt Nam trước khi gia nhập HSC.
- Khởi nghiệp năm 2002 tại Pepsi Bottling Group sau thời gian thực tập tại Zefer Corp ở Boston, Hoa Kỳ.
- Tốt nghiệp Trường Đại học British Columbia, Canada với 2 bằng Kế toán doanh nghiệp và Quản trị hệ thống thông tin.
- Được đào tạo tại Học viện Quản trị quốc tế McRae với bằng Thạc sỹ Quản trị Châu Á Thái Bình Dương năm 2004.

BAN ĐIỀU HÀNH



5. Ông BACH QUỐC VINH

*GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
KHU VỰC PHÍA BẮC*

- Công tác tại HSC với cương vị Giám đốc HSC chi nhánh Hà Nội từ tháng 6 năm 2007 và chính thức trở thành Giám đốc Điều hành khu vực miền Bắc từ đầu tháng 2 năm 2010.
- Ông giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Prudential Việt Nam như Trưởng nhóm Kinh doanh, Trưởng ban Kinh doanh tại Hà Nội và Giám đốc văn phòng Tổng Đại Lý Prudential tại Nghệ An và Hà Tĩnh trước khi gia nhập HSC.
- Khởi nghiệp tại Coco-Cola Hà Nội từ năm 1997 đến năm 2000.
- Tốt nghiệp Cử nhân ngành Kinh Tế Ngoại Thương trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội năm 1997 và Thạc sỹ ngành Tài Chính trường Đại Học Orwine, Anh Quốc năm 2009.

6. Ông JOHAN KRUIJMER

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Bộ phận Kinh doanh Môi giới Khách hàng Doanh nghiệp

- Giữ nhiều chức vụ Quản lý tại Pacific Basin Invest ABN-AMBRO, Krediet Bank Luxembourg trước khi gia nhập HSC.
- Có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực môi giới chứng khoán ở Châu Âu và Châu Á.
- Là người sáng lập Công ty Asian Pacific Partners tại Amsterdam.
- Có bằng Thạc sỹ trong ngành Tài chính & Đầu tư tại Free University of Amsterdam.

7. Ông LÊ CÔNG THIÊN

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Bộ phận Kinh doanh Môi giới Khách hàng Cá nhân

- Giữ nhiều chức vụ cấp cao trong ngành Ngân hàng Doanh nghiệp tại Vietcombank, Deutsche Bank AG, Citibank and ANZ Việt Nam trước khi gia nhập HSC.
- Có 18 năm kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực Tài chính Ngân hàng, Quản trị rủi ro và phát triển thị trường nội địa.
- Tốt nghiệp trường Đại học Ngân Hàng TP.HCM chuyên ngành Tài chính Ngân hàng và có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Maastricht, Hà Lan.

8. Ông FIACHRA MAC CANA

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

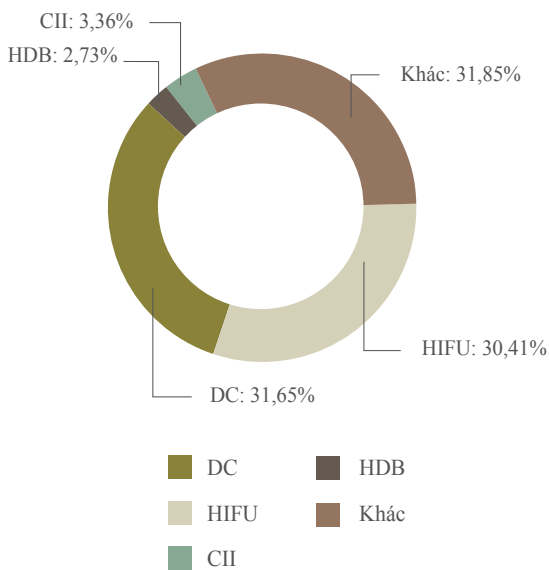
Bộ phận Nghiên cứu

- Trưởng phòng Nghiên cứu của VinaCapital và giữ chức vụ Giám đốc Điều hành và Giám đốc Môi giới của VinaSecurities trước khi gia nhập HSC.
- Hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính Doanh nghiệp tại London và Tokyo.
- Giữ chức vụ Trưởng phòng Nghiên cứu Công ty Chứng khoán Nhật Bản với WestLB từ năm 1997 đến năm 2000.
- Là người sáng lập JCN network, kênh thông tin doanh nghiệp hàng đầu tại Nhật.
- Được Asia Money xếp hạng là một trong 15 chuyên gia phân tích chiến lược hàng đầu của Nhật vào năm 2003.
- Tốt nghiệp cử nhân trường Đại học Thương mại ở Dublin, Ai Len.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CẬP NHẬT NGÀY 31/12/2009

DC:	12.490.000 (31,65%)
HIFU:	12.000.000 (30,41%)
CII:	1.325.238 (3,36%)
HDB	1.075.517 (2,73%)
Khác:	(31,85%)



1. Tập đoàn Dragon Capital (DCG)

1901 MeLinh Point , 02 Ngõ Đức Kế, Q.1, TP.HCM

Thành lập năm 1994 tại Anh, tập đoàn Dragon Capital (DC) là một tổ chức tài chính phi ngân hàng cung cấp các dịch vụ tài chính doanh nghiệp như quản lý quỹ kết hợp ngân hàng đầu tư một cách toàn diện.

Tập đoàn Dragon Capital đang quản lý các quỹ lớn nhất Việt Nam với tổng tài sản hơn 1,4 tỷ USD.

2. Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị TP. Hồ Chí Minh (HIFU)

33-39 Pasteur, Q.1, TP.HCM

Thành lập ngày 10 tháng 9 năm 1996 bởi Ủy ban Nhân dân TP.HCM, nhiệm vụ của HIFU là huy động vốn cho các dự án công nghiệp quan trọng và phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của TP.HCM.

3. CII: Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM

164 Kỳ Con, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII) ra đời năm 2001 với tư cách là một tổ chức đầu tư tài chính với nhiệm vụ thiết lập kênh huy động vốn mới thu hút vốn đầu tư trung và dài hạn của các tổ chức tài chính, cũng như vốn nhân rỗi trong nhân dân và các thành phần kinh tế.

4. HD Bank: Ngân hàng phát triển nhà

58 Nguyễn Đình Chiểu, Q.1, TP.HCM

HD Bank là một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của cả nước, được thành lập ngày 01/04/1990, qua gần 20 năm phát triển, HD Bank đã giữ vững cam kết phát triển bền vững, hệ thống công nghệ hiện đại, danh mục sản phẩm đa dạng và tiện ích.

5. Khác

Các cổ đông của HSC bao gồm cá nhân và tổ chức cả trong và ngoài nước, từ lĩnh vực tài chính đến bất động sản, từ bán lẻ đến sản xuất hàng hóa... Tất cả thể hiện tính đa dạng về sản phẩm dịch vụ và sức mạnh thị phần của HSC trên thị trường.

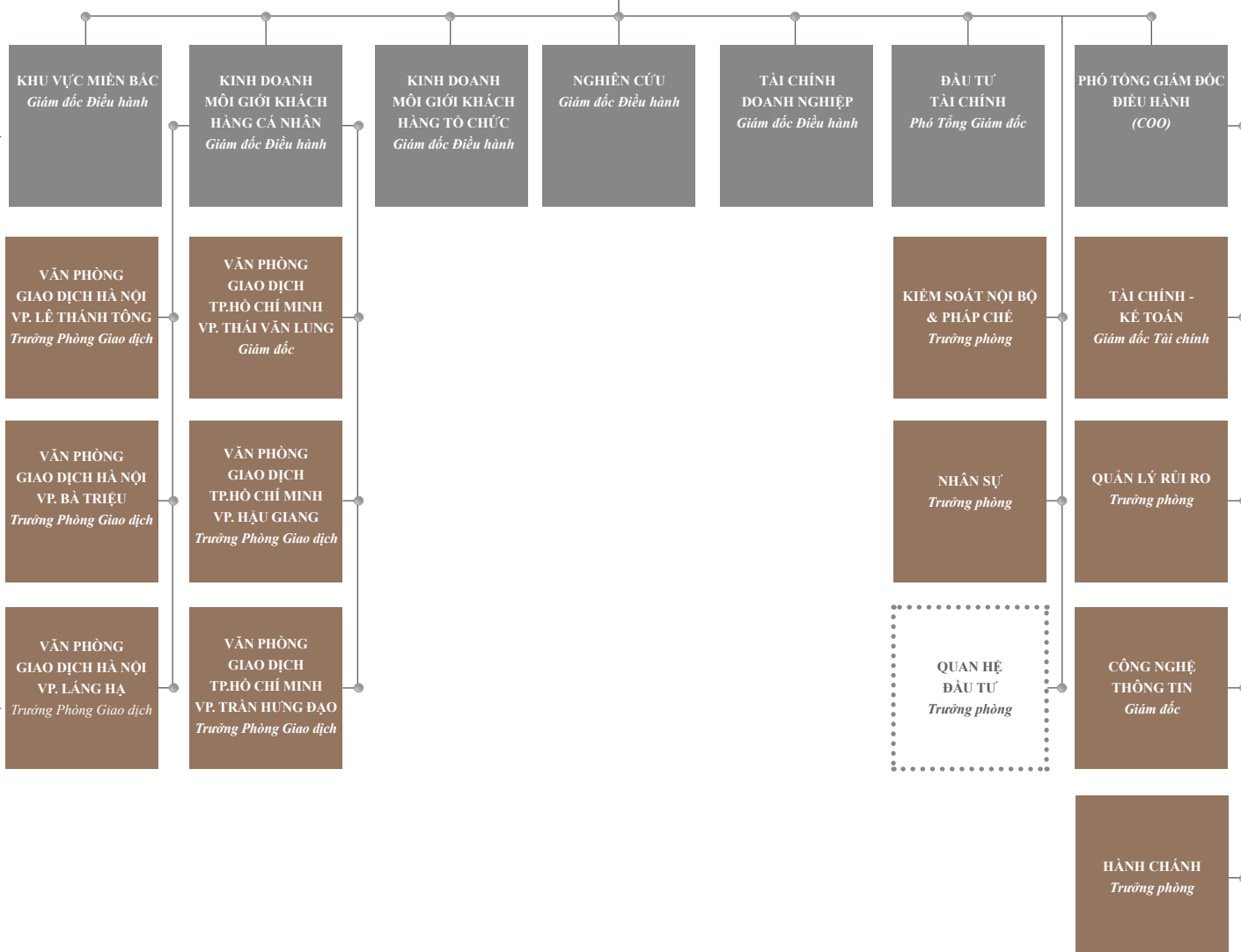
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



**HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ**

**BAN
KIỂM SOÁT**

**TỔNG
GIÁM ĐỐC
(CEO)**



nuôi dưỡng
sức mạnh,



thu hoạch thành tựu



N I Ê M Y Ê T

TRÊN HOSE

Trong Quý 2-2009, HSC đã niêm yết thành công trên sàn Giao dịch chứng khoán TP.HCM với mã HCM. Cổ phiếu của HSC đã tạo nên sự kiện ngoạn mục về mức độ tăng giá liên tục từ mức khởi điểm, tăng kịch trần liên tục trong 20 phiên dựa trên biên độ tăng tối đa 5% trên giá niêm yết. Chưa có công ty chứng khoán nào niêm yết trên sàn HOSE đạt được thành tích tương tự.

HSC chuẩn bị cho sự tăng trưởng ấn tượng của cổ phiếu, phát triển và thực thi những mục tiêu cụ thể để tối ưu hóa vốn góp nhằm gặt hái được những thành công và đảm bảo duy trì lợi ích của cổ đông.

TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM



TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ

GDP

Trong mô hình của mình, HSC dự đoán GDP năm 2010 sẽ tăng trưởng với tốc độ 6,3%, thấp hơn một chút so với con số dự báo chính thức là 6,5%. Điều này thể hiện tốc độ tăng trưởng GDP năm ngoái đã được cải thiện nhưng vẫn thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân trong 10 năm là 7,3%. Chúng tôi dự báo GDP danh nghĩa sẽ tăng trưởng với tốc độ 17,5%.

Chúng tôi cũng dự báo sản xuất công nghiệp sẽ tăng trưởng 15,2%, đạt 803 nghìn tỷ đồng. Xét theo khu vực kinh tế thì sản xuất công nghiệp thuộc khu vực kinh tế quốc doanh dự báo sẽ phục hồi mạnh mẽ, tăng trưởng 16,9% so với năm trước, đạt 197 nghìn tỷ đồng; khu vực kinh tế ngoài quốc doanh tăng trưởng với tốc độ 13,9%, đạt 278 nghìn tỷ đồng và khu vực kinh tế nước ngoài tăng trưởng 15%, đạt 326 nghìn tỷ đồng. Có hai lý do giải thích cho tốc độ tăng trưởng sản xuất cao của khu vực kinh tế quốc doanh: một là giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế này năm ngoái đạt thấp và hai là một số doanh nghiệp quốc doanh lớn vẫn được hưởng lãi suất cho vay thấp.

HSC dự báo doanh thu bán lẻ danh nghĩa sẽ tăng trưởng với tốc độ 33% trong năm 2010, đạt 1.588 tỷ đồng. Dự báo này dựa trên dự báo của HSC về tăng trưởng GDP danh nghĩa (là 17,5%) và CPI năm 2010 (là 11,5%).

Cán cân thanh toán

Theo báo cáo của Ngân hàng thế giới đầu tháng 12 năm ngoái thì cán cân thanh toán năm 2009 thâm hụt 6,6 tỷ USD và chúng tôi dự tính tổng dự trữ ngoại hối giảm xuống mức từ 14,5 tỷ đến 15 tỷ USD vào cuối năm 2009. Tuy nhiên, theo chúng tôi, 2009 là năm mà cán cân thanh toán thâm hụt cao nhất và mức giảm của dự trữ cũng ở mức cao nhất. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ được cải thiện trong năm 2010.

Cán cân thương mại

Năm 2009 thâm hụt thương mại là 12,38 tỷ USD so với 16,95 tỷ USD vào năm trước đó. Giá trị xuất khẩu giảm 9,7% xuống 56,54 tỷ USD trong khi giá trị nhập khẩu giảm 13,4% xuống mức 68,92 tỷ USD. Mức thâm hụt thương mại thực tế này cao hơn so với dự đoán của HSC. HSC đã dự đoán thâm

TỔNG QUAN
KINH TẾ VIỆT NAM

hạt thương mại năm 2009 là 10,8 tỷ USD, giá trị xuất khẩu giảm 11%, đạt 55,44 tỷ USD, giá trị nhập khẩu giảm 17%, đạt 66,27 tỷ USD.

HSC dự báo kim ngạch xuất khẩu năm 2010 sẽ tăng 14%, đạt 64,7 tỷ USD và kim ngạch nhập khẩu tăng 16%, đạt 79,6 tỷ USD. Theo đó, thâm hụt thương mại sẽ đạt 14,9 tỷ USD, tăng 21% so với năm trước.

Tiền tệ

Sau đợt điều chỉnh tỷ giá đồng VNĐ ngay trước Tết âm lịch, thị trường ngoại hối hiện tại đang ổn định, trong đó tỷ giá thị trường tự do gần hơn với biên độ tỷ giá quy định. Điều này một phần chịu tác động của các yếu tố như sự chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới, vốn hiện giờ đã không còn là yếu tố đầu cơ hấp dẫn như trước đây. Do đó, lợi ích của việc giữ đồng USD giảm đi nhiều so với trước đó. Điều này có lẽ cũng một phần do cung USD trong hệ thống tăng lên nhờ luồng vốn FDI tăng thêm 1,1 tỷ USD trong 2 tháng đầu năm 2010, tương đương tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

Tuy nhiên về dài hạn, đồng VNĐ có lẽ sẽ tiếp tục xu hướng trượt giá so với đồng USD trong năm nay mặc dù tốc độ trượt giá sẽ thấp hơn năm 2009. Tình trạng thâm hụt thương mại tiếp diễn cùng với sự giảm niềm tin vào các tài sản bằng đồng VNĐ là những vấn đề mang tính cơ cấu dài hạn và sẽ không chấm dứt trong ngày một ngày hai. Và đây sẽ tiếp tục những vấn đề nổi cộm trên thị trường ngoại hối trong năm nay. Theo chúng tôi, có một số cơ sở để tin tưởng rằng mức độ trượt giá của đồng VNĐ so với USD sẽ thấp hơn trong năm nay:

- Tình hình kinh tế toàn cầu được cải thiện có khả năng sẽ giúp tăng nguồn thu USD từ hoạt động xuất khẩu, từ nguồn vốn ODA, kiều hối, vốn FDI như mô hình Cán cân thanh toán của chúng tôi đã chỉ ra. Các ngân hàng gần đây tập trung hỗ trợ tín dụng cho xuất khẩu và sản xuất cho thấy rủi ro tín dụng trong việc cho vay các hoạt động này đã giảm. Điều này sẽ giúp tăng nguồn thu USD từ xuất khẩu trong năm 2010.
- Chúng tôi dự báo chính sách tiền tệ sẽ tiếp tục được điều hành một cách tích cực và chủ động trong năm nay với nhiều biện pháp can thiệp từ các cơ quan quản lý. Việc thu hẹp biên độ tỷ giá xuống 3% và cho phép nhập khẩu vàng cho thấy Ngân hàng Nhà nước đã chủ động hơn trong việc quản lý thị trường ngoại hối trong năm nay so

với năm 2009. Cách tiếp cận mới trong điều hành chính sách có vẻ như tập trung vào cân bằng cung cầu hàng ngày và tính thanh khoản trên toàn thị trường.

- Vào thời điểm này, chúng tôi cho rằng rủi ro Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh giá mạnh đồng VNĐ là tương đối thấp. Trên thực tế trước đây, những động thái điều chỉnh giá mạnh đồng VNĐ tạo ra ít tác động và càng khiến cho nhiều người cho rằng sẽ tiếp tục có những đợt điều chỉnh giá đồng VNĐ diễn ra một cách bất ngờ trong trung và dài hạn. Chúng tôi cho rằng Ngân hàng Nhà nước có lẽ sẽ tăng cường kiểm soát đối với thị trường ngoại hối nhằm giảm việc phải sử dụng đến những biện pháp gấp gáp.

Nợ nước ngoài của Việt Nam vào khoảng 32,8% GDP vào cuối năm 2009, tương đối thấp hơn so với các quốc gia có cùng mức độ xếp hạng tín dụng 'BB'. Theo Reuters, tỷ lệ nợ nước ngoài so với DGP của Thổ Nhĩ Kỳ là 43,9%, Indonesia là 33,8% và Philipin là 37,4%. Với tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP thấp, Việt Nam sẽ vẫn trong phạm vi an toàn nếu đồng VNĐ tiếp tục bị giảm giá mà không làm thay đổi nhiều đến tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP. Nếu thâm hụt thương mại không được sớm cải thiện, thì áp lực giảm giá đồng tiền sẽ tăng lên.

CPI

Chính phủ gặp thách thức trong việc duy trì tỷ lệ lạm phát năm 2010 trong mục tiêu đề ra là 7%. Có nhiều nhân tố có thể khiến tỷ lệ lạm phát gia tăng lên mức 2 con số trong năm nay. Trên thực tế, Việt Nam hiện đang đối mặt với lạm phát do cầu kéo và do chi phí đẩy. Lạm phát do cầu kéo xuất phát từ chính sách tăng trưởng tín dụng quá mạnh, gây tác động lên CPI và hiện tại lạm phát do cầu kéo đang giảm xuống. Lạm phát do chi phí đẩy xuất phát từ việc chi phí đầu vào cả từ trong nước và quốc tế như giá xăng dầu, ga, thép, thực phẩm... tăng. Bên cạnh đó, lạm phát có thể tăng cao do việc điều chỉnh giá 3,2% của đồng nội tệ trong thời gian gần đây. Tổng hợp hết các yếu tố lại có thể thấy lạm phát sẽ tăng nhưng sẽ không thể tăng mạnh như hồi năm 2008 nếu thị trường chứng khoán và thị trường bất động sản không tăng nóng. Và thị trường chứng khoán và bất động sản sẽ không thể sớm tăng nóng trở lại. Theo quan điểm của chúng tôi, lạm phát sẽ không tăng quá cao và mức tăng CPI cao nhất trong năm nay là 11,5%. Tuy nhiên, nếu thâm hụt thương mại và tài khóa được giữ lần lượt dưới 6% và 20% so với GDP thì lạm phát sẽ còn thấp hơn 10% trong năm nay.

TỔNG QUAN KINH TẾ VIỆT NAM



Luồng vốn vào Việt Nam

HSC dự báo năm 2010, vốn FDI đăng ký sẽ tăng 25% lên 26,6 tỷ USD và giải ngân thực tế sẽ tăng 25%, đạt 11,25 tỷ USD. Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự báo FDI đăng ký sẽ đạt từ 22 đến 25 tỷ USD và giải ngân đạt 11 tỷ USD.

Cam kết ODA năm 2010 của nhóm nhà tài trợ chính là nhóm tư vấn các nhà tài trợ đã tăng lên trên 8 tỷ USD và dự tính giải ngân trong năm nay sẽ đạt khoảng 4,8 tỷ USD, tăng 34%. Nhóm tư vấn bao gồm 3 thành viên chính là Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Nhật Bản và hai thành viên khác là EU và Hàn Quốc.

Tổng lượng kiều hối năm 2009 ước tính đạt 6,8 tỷ USD, giảm 6% so với mức 7,2 tỷ USD của năm 2008. Lượng kiều hối gửi về nước lớn, chiếm tới 8% GDP. HSC dự báo con số kiều hối chuyên qua con đường chính thức sẽ đạt 7,8 tỷ USD trong năm 2010, tăng 15% so với năm 2009.

Lãi suất và thị trường tiền tệ

Kể từ thời điểm Ngân hàng Trung ương cho phép sử dụng lãi suất thỏa thuận với các khoản vay trung và dài hạn thông qua phí, thì lãi suất cho vay thực tế bình quân vào khoảng từ 16-17%, cao hơn trần lãi suất 12% theo quy định. Điều này khiến lãi suất cơ bản và quy định về trần lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản sẽ không còn tác dụng. Tuy nhiên, trong trường hợp bỏ trần lãi suất thì ít nhất cũng cần một năm do vấn đề này sẽ phải đưa ra trước ít nhất 2 kỳ họp toàn thể tại Quốc hội để thông qua.

Hiện tại đã hết Q1 và tốc độ tăng trưởng tính từ đầu năm đến thời điểm này vẫn thấp, đạt 1,4%. Do đó, Ngân hàng Nhà nước vẫn có thể mở rộng tín dụng một cách thận trọng. Nếu nhu cầu tín dụng tăng, thì áp lực điều chỉnh tăng trần lãi suất huy động (hiện là 10,5%) sẽ lại xuất hiện.

Triển vọng tài khóa năm 2010

Thâm hụt ngân sách năm 2009 dự tính vào khoảng 75,7 nghìn tỷ đồng (tương đương 4,51% GDP theo cách tính của GFS và 6,9% GDP theo cách tính của Việt Nam), cao hơn nhiều so với mức thâm hụt theo kế hoạch là 52,5 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, mức thâm hụt này thấp hơn so với dự báo của hầu hết các chuyên gia kinh tế.

Trong năm 2010, do việc thu hẹp chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất và các biện pháp kích thích khác như chương trình giảm thuế 6 tháng đầu năm, chúng tôi cho rằng thâm hụt ngân sách sẽ giảm xuống mức 3,89% GDP theo cách tính của GFS. Theo cách tính của Việt Nam, thâm hụt ngân sách dự báo sẽ giảm từ 6,9% GDP xuống 6,20% GDP. Việc giảm thâm hụt ngân sách cũng là chủ trương của Nhà nước trong bối cảnh Quốc hội đã tỏ ra lo ngại về mức thâm hụt ngân sách của năm 2009.

Theo Bộ Tài chính, Chính phủ có kế hoạch thu 461,5 nghìn tỷ đồng (tăng 18,1% so với năm trước). Trong đó, 432,8 nghìn tỷ đồng là từ thuế thu nhập doanh nghiệp và phần còn lại từ việc cho tặng hoặc bán tài sản. Bộ Tài chính cũng dự kiến chi 536,8 nghìn tỷ đồng (tăng 8,9% so với năm 2009).

Khoản thâm hụt ngân sách 74,4 nghìn tỷ đồng dự kiến sẽ được tài trợ bằng việc phát hành trái phiếu ròng trong nước (là tổng giá trị trái phiếu phát hành trừ đi giá trị trái phiếu đáo hạn) là 63,1 nghìn tỷ đồng (giảm 4,6%) và từ phát hành trái phiếu ròng quốc tế là 11,2 nghìn tỷ đồng (tăng 17,9%).

Triển vọng thị trường trái phiếu năm 2010

Thách thức lớn nhất đối với thị trường trái phiếu năm nay và năm sau sẽ là việc phát hành trái phiếu mới để thay thế cho một số lượng lớn trái phiếu sẽ đáo hạn. Không giống như năm ngoái, năm nay hứa hẹn sẽ có nhiều đợt đấu thầu trái phiếu thành công do Nhà nước cần phải huy động một lượng vốn vay lớn thông qua phát hành trái phiếu. Trong vòng 3 năm tới, mỗi năm cần phải phát hành khoảng 23 nghìn tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn ngắn chỉ riêng để thay thế cho lượng cô phiếu sẽ đáo hạn. Và quan trọng nhất là chúng tôi cho rằng Chính phủ sẽ phải phát hành từ 30-40 nghìn tỷ đồng trong năm nay để tài trợ cho khoản thâm hụt ngân sách. Một điểm tích cực ở đây là với tỷ lệ tổng giá trị trái phiếu đang lưu hành/GDP đã giảm xuống mức 9,4% vào cuối năm 2009. Do đó, Chính phủ sẽ còn nhiều khả năng phát hành thêm trái phiếu mà không làm ảnh hưởng đến mức độ tín nhiệm của quốc gia.

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2009



Tóm lược về thị trường năm 2009 Sự bùng nổ thanh khoản và câu chuyện hai nửa của một năm

Trong năm 2009, VN Index đã tăng 58%. Chỉ số này đóng cửa vào phiên cuối năm 2009 ở mức 494,77 điểm, thấp hơn nhiều so với đỉnh 625,02 hồi tháng 10 nhưng vẫn cho thấy một mức tăng ấn tượng trong năm 2009.

Nhiều người có lẽ sẽ đi tìm cách lý giải việc chỉ số VN Index tăng trong năm 2009 dựa trên sự phục hồi của GDP, sản xuất công nghiệp và thương mại, diễn ra bắt đầu từ Q2 của năm. Nhiều người cũng cho rằng nguyên nhân chính đến từ mức tăng ấn tượng 5% của lợi nhuận thuần của các công ty niêm yết (dựa trên dự báo của HSC và kế hoạch lợi nhuận của công ty cho năm 2009). Một cách lý giải khác có thể là do P/E đã giảm xuống dưới 10 vào cuối tháng 2 và đây là một cơ hội mua vào cực tốt cho các nhà đầu tư. Tất cả những lý giải trên có lẽ đều đúng. Tuy nhiên, chúng tôi muốn giải thích sự biến động của chỉ số VN Index thông qua sự bùng nổ thanh khoản.

Tính thanh khoản của thị trường vào 6 tháng đầu năm có được nhờ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ bắt nguồn từ chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất. Trong 6 tháng cuối năm, thanh khoản của thị trường có được là nhờ các chương trình cho vay ký quỹ của nhiều công ty chứng khoán. Bên cạnh đó, dòng tiền

đầu cơ từ thị trường bất động sản cũng chảy vào thị trường chứng khoán.

VN Index kết thúc năm 2008 đạt 315 điểm và trong 2 tháng đầu năm 2009 đã giảm xuống đáy 235 vào cuối tháng 2. Sau đó, Chính phủ công bố chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất trị giá 18 nghìn tỷ đồng (1 tỷ USD) để kích thích nền kinh tế. Thị trường chứng khoán đã nhận được cú huých bắt nguồn từ chương trình cho vay ưu đãi này và nguồn tiền đã được bơm một cách mạnh mẽ vào thị trường.

Mặc dù dư nợ cho vay ưu đãi đạt mức cao nhất là 418,6 nghìn tỷ đồng vào tuần kết thúc ngày 5/11 thì phần lớn tiền trong số dư nợ này được cho vay ra vào khoảng thời gian giữa tháng 2 và tháng 5. Đồ thị của chúng tôi cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa những khoản cho vay này và sự biến động của thị trường chứng khoán. Trên thực tế, bắt đầu từ tháng 3, cho vay ưu đãi đã tăng với tốc độ cao và đạt mức cao nhất là 372 nghìn tỷ đồng vào tuần kết thúc ngày 2/6. Sau đó, tốc độ tăng trưởng của các khoản vay ưu đãi bắt đầu giảm. Biến động của chỉ số VN Index theo sát sự mở rộng cho vay này và đạt đỉnh vào cùng thời điểm dư nợ cho vay đạt cao nhất là 511,30 điểm trước khi bắt đầu điều chỉnh. Tuy nhiên, VN Index và tăng trưởng dư nợ cho vay ưu đãi sau đó không giữ được mối liên hệ chặt chẽ như trước.

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2009

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH TRÊN HOSE
HÀNG NGÀY TĂNG TỪ MỨC 0,31%
TỔNG GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
VÀO THÁNG 7 LÊN MỨC CAO NHẤT
0,78% VÀO THÁNG 10.



Vào thời điểm đầu tháng 6, thị trường rõ ràng đã tăng quá nóng với giá trị giao dịch hàng ngày trên sàn HOSE đạt 0,64% tổng vốn hóa thị trường, so với mức bình quân dài hạn là 0,37%/ngày. Và sau những cảnh báo kịp thời từ phía các tổ chức quốc tế và Ngân hàng Nhà nước về sự tăng trưởng tín dụng quá nhanh, thị trường đã bắt đầu điều chỉnh. Trong mùa hè năm 2009, đã xuất hiện sự tranh luận giữa một bên là những người muốn chính sách tiền tệ tiếp tục được nới lỏng nhằm hậu thuẫn cho sự phục hồi kinh tế và một bên là những người lo ngại về ảnh hưởng của chính sách tiền tệ nới lỏng đối với cả giá trị đồng nội tệ lẫn lạm phát. Cũng chính trong khoảng thời gian này, thị trường chứng khoán đã suy giảm. Tuy nhiên, vào tháng 8, bên ủng hộ kích thích tăng trưởng đã tạm thời giành được ưu thế với việc mục tiêu tốc độ tăng trưởng tín dụng đã được nâng lên trên 30% và như bắt được tín hiệu này, thị trường chứng khoán đã bắt đầu đợt tăng lần thứ hai trong năm.

Trong lần tăng thứ hai này, thanh khoản được tạo ra bởi các công ty chứng khoán thông qua việc cho các nhà đầu tư giao dịch ký quỹ để kinh doanh chứng khoán, và việc làm này bắt nguồn từ việc các ngân hàng sẵn sàng cho các công ty chứng khoán vay tiền vì đây là một nguồn tạo doanh thu lớn. Giao dịch ký quỹ là một sản phẩm mới tại Việt Nam nhưng đã tăng trưởng hết sức nhanh chóng trong Q3, vào thời điểm đỉnh điểm, dư nợ ký quỹ lên đến khoảng 16 nghìn tỷ đồng theo dự tính của HSC. Sản phẩm mới này cho phép các nhà đầu tư dùng đòn bẩy lên đến xấp xỉ 50% và điều này là động lực đẩy thị trường đi lên và thiết lập các đỉnh vào tháng 11 bên cạnh sự bùng nổ của khối lượng giao dịch.

Bên cạnh đó, một số công ty chứng khoán còn cho phép một số khách hàng nhất định của mình được bán chứng khoán trước ngày T+3, mà thực chất là cho các khách hàng VIP vay chứng khoán để họ có thể giao dịch nhiều hơn. Thậm chí, một vài công ty chứng khoán còn cho vay chứng khoán để khách hàng bán khống.

Sự bùng nổ tín dụng này thể hiện rõ nhất thông qua sự tăng lên mạnh mẽ của khối lượng giao dịch trong Q3. Khối lượng giao dịch trên HOSE hàng ngày tăng từ mức 0,31% tổng giá trị vốn hóa thị trường vào tháng 7 lên mức cao nhất 0,78% vào tháng 10. Và một lần nữa, vào thời điểm cuối tháng 11, thị trường lại một lần nữa diễn ra tình trạng phân khúc quá mức.

Tuy nhiên, lực lượng cổ súy cho việc chống lạm phát mà tiên phong là Ngân hàng Nhà nước đã thể hiện vai trò của mình. Sau khi đã thực hiện một số biện pháp nhất định nhằm

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2009

giảm hoạt động cho vay tiêu dùng trong Q3 thì cơ quan này đã mạnh tay hơn trong việc chuyển đổi chính sách khi mà tăng trưởng tín dụng tiến đến mức 35%. Và khi CPI đã chạm đáy và bắt đầu có những dấu hiệu rõ ràng về áp lực giảm giá của đồng VNĐ thì Ngân hàng Nhà nước đã nhận được sự đồng thuận cần thiết để thay đổi hoàn toàn chính sách của mình. Tốc độ cho vay ra nhanh chóng được hãm phanh; thanh khoản suy giảm mạnh và thị trường bắt đầu điều chỉnh trong bối cảnh luồng tiền vốn đã đẩy thị trường đi lên rút lui dần.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng yêu cầu các ngân hàng hạn chế việc cho vay ký quỹ. Trên thực tế, các ngân hàng có lẽ không chịu ảnh hưởng nhiều bởi yêu cầu này từ phía Ngân hàng Nhà nước vì trước đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã có chính sách hạn chế cho vay ký quỹ thông qua việc đề nghị các ngân hàng cho các công ty chứng khoán vay ở mức trần lãi suất thay vì lãi suất thỏa thuận như vẫn thường làm trước đó. Đối với các ngân hàng, việc cho các công ty chứng khoán vay là một quyết định đơn thuần mang tính thương mại và việc này trở nên kém hấp dẫn khi mà lãi suất cho vay trước kia vào khoảng 15% (cộng thêm cả phí) bỗng chốc giảm xuống 11,5%.

Động thái nâng lãi suất cơ bản thêm 1% của Ngân hàng Nhà nước sau khi nâng tỷ giá lên 5% đã thể hiện rõ ràng định hướng chính sách mới của cơ quan này và việc thắt chặt tín dụng nhằm ổn định giá trị đồng VNĐ bắt đầu.

Tác động của quyết định thắt chặt tín dụng đã ngay lập tức tác động lên thị trường và áp lực bán ra cổ phiếu hồi cuối tháng 11/tháng 12 chủ yếu do việc bán giải chấp bắt nguồn từ hoạt động cho vay ký quỹ, vốn là nhân tố đẩy thị trường đi lên kể từ mùa hè năm 2009. Các ngân hàng trở nên hết sức thận trọng trong việc cho phép các công ty chứng khoán và cá nhân đảo nợ, đồng thời cổ phiếu cầm cố buộc phải bán để giải chấp. Yếu tố quyết định trong hoạt động cho vay ký quỹ là thời hạn vay thay vì lãi suất. Có nghĩa là các khoản vay có thời hạn xác định và sẽ phải tất toán khi kết thúc thời hạn vay. Hoạt động cho vay ký quỹ chứng khoán tại Việt Nam khác với các quốc gia khác, ở đó việc cho vay có thể không xác định thời hạn hoặc sẽ được kéo dài cho đến khi giá trị của chứng khoán ký quỹ được coi là vẫn đủ để đảm bảo cho khoản vay. Phiên bản cho vay ký quỹ chứng khoán tại Việt Nam còn khá thô sơ và khi các khoản nợ đến hạn có thể làm tăng áp lực bắt buộc phải bán ra tài sản đảm bảo (cổ phiếu).

Ngay khi VN Index chọc thủng mốc hỗ trợ 511- 520 thì chỉ số này đã nhanh chóng giảm xuống dưới mốc 450 và có vẻ như sẽ còn tiếp tục giảm sâu. Khối lượng giao dịch đã trở lại mức

bình thường và các nhà đầu tư nước ngoài mua vào mạnh hơn kể từ giữa tháng 12. Các tổ chức đầu tư trong nước cũng bắt đầu tham gia mạnh vào thị trường và các chỉ số đã nhanh chóng phục hồi một cách mạnh mẽ trong nửa tháng 12 với giá trị giao dịch đạt thấp hơn so với đợt tăng trước.

Trong những tuần đầu năm mới Âm lịch, VN Index biến động trong phạm vi hẹp từ 477,59 đến 534,46. Hiện tại, thời kỳ thiếu thanh khoản nhất diễn ra vào đầu tháng 12 đã qua đi. Mặc dù vậy, vẫn còn những lo ngại xung quanh vấn đề lạm phát, lãi suất và tốc độ tăng trưởng tín dụng đạt thấp. Thị trường dường như vẫn đang lưỡng lự chưa rõ xu hướng; tình trạng mua quá mức diễn ra trong Q3/2009 đã lùi xa và hiện vẫn chưa có luồng tiền mới chảy vào thị trường.

Hiện tại thị trường đang giao dịch cầm chừng và chờ đợi một cú huých. Dựa trên quan điểm của HSC về vấn đề lạm phát cũng như những động thái của Ngân hàng Nhà nước tính từ Q4/2009 cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi cho rằng áp lực tăng lãi suất đợt này sẽ là động thái cuối cùng trong một

TRONG NHỮNG TUẦN ĐẦU NĂM MỚI
ÂM LỊCH, VN INDEX BIẾN ĐỘNG TRONG
PHẠM VI HẸP TỪ 477,59 ĐẾN 534,46



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2009



TRONG THÁNG 12, THỊ TRƯỜNG ĐÃ LẤY LẠI ĐƯỢC PHẦN NÀO SỐ ĐIỂM ĐÃ MẤT TRONG THÁNG 11 (VN INDEX ĐÃ ĐẠT ĐỈNH CAO NHẤT TRONG NĂM 2009 TẠI 624,10 ĐIỂM VÀO NGÀY 22/11/2009).

loạt các động thái về chính sách tiền tệ cần thiết phải thực hiện để giảm nhiệt cho nền kinh tế và giảm áp lực lạm phát. Do vai trò đặc biệt của lãi suất cơ bản trong cơ chế chính sách của Việt Nam (một trong những chức năng chính của lãi suất cơ bản là nhằm kiểm soát cả trần lãi suất huy động và cho vay), thì việc lãi suất được nâng lên sẽ không chỉ giúp tiếp tục ổn định đồng tiền, chống lại lạm phát mà còn kích thích tăng trưởng huy động vốn trong hệ thống ngân hàng. Nhờ vậy, tính thanh khoản trong hệ thống sẽ được cải thiện và là một tín hiệu tích cực cho thị trường chứng khoán.

Tóm lại, HSC coi việc lãi suất cơ bản được nâng lên thêm một lần nữa là một tín hiệu mua vào, đặc biệt là trong trường hợp các nhà đầu tư bán tháo cổ phiếu do tác động của việc nâng lãi suất này.

Trong tháng 12, thị trường đã lấy lại được phần nào số điểm đã mất trong tháng 11 (VN Index đã đạt đỉnh cao nhất trong năm 2009 tại 624,10 điểm vào ngày 22/11/2009). Tại thời điểm ngày 22/11, thị trường diễn ra tình trạng mua vào ồ ạt, cổ phiếu trở nên đắt đỏ và các nhà đầu tư có vẻ lạc quan thái quá. Đợt điều chỉnh mạnh sau đó đã giúp cổ phiếu rẻ trở lại một chút và đồng thời khối lượng giao dịch tính từ thời điểm này trở đi đã giảm xuống dưới mức bình quân dài hạn. Mặc dù không có số liệu chính xác về việc tiền cho vay ký quỹ bắt nguồn từ các công ty chứng khoán hay từ chương trình cho vay hỗ trợ lãi suất của Chính phủ, nhưng theo chúng tôi, mức độ cho vay ký quỹ đã giảm xuống và nằm trong phạm vi kiểm soát.

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM 2009

Trong Q1/2010, triển vọng của thị trường sẽ phụ thuộc vào một tập hợp các yếu tố vi mô và vĩ mô. Thị trường chứng khoán Việt Nam chịu ảnh hưởng chủ yếu từ các vấn đề liên quan đến chính sách tiền tệ; giá và khối lượng tiền có trong hệ thống. Chúng tôi đánh giá điều này thông qua theo dõi những yếu tố của chính sách tiền tệ như cung tiền; tăng trưởng tín dụng và chính sách lãi suất trong thực tế. Theo chúng tôi, chính sách tiền tệ hiện tại và quan trọng hơn là các kỳ vọng của các nhà đầu tư về động thái của chính sách tiền tệ trong tương lai là nhân tố chủ yếu tác động đến xu thế tăng giảm của thị trường. Những yếu tố khác như kỳ vọng về lợi nhuận tương lai hay định giá doanh nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng nhất định, tuy nhiên các yếu tố này hoặc là kết quả của chính sách tiền tệ hoặc chúng chỉ được xếp hàng thứ hai trong các mối quan tâm của các nhà đầu tư.

Và tại Việt Nam, chính sách tiền tệ chứ không phải chính sách tài khóa đóng vai trò chủ đạo tác động đến nền kinh tế. Điều này khá dễ hiểu bởi Việt Nam thường có mức thâm hụt tài khóa gần bằng 5% GDP trong nửa thập kỷ qua. Do vậy, khả năng mở rộng tài khóa rõ ràng là hết sức hạn chế. Và, chính sách tiền tệ vẫn giữ vai trò là công cụ chính để Nhà nước tác động đến nền kinh tế.

HSC cho rằng thị trường đang ở vào thời điểm giữa của hai đợt tăng lãi suất, trong đó, đợt tăng lãi suất thứ hai sẽ chấm dứt chuỗi các biện pháp nhằm ổn định đồng nội tệ cũng như toàn bộ nền kinh tế. Chu kỳ nâng lãi suất trong phạm vi nhỏ này đã đạt được thành công trong việc hạn chế tốc độ tăng trưởng tín dụng và cũng đã khiến thị trường chứng khoán hạ nhiệt. Tuy nhiên, trong cùng thời gian này, CPI đã tăng tốc tính từ Q3 và những gì quan sát được đối với lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài vẫn cho thấy lạm phát vẫn chưa được chế ngự. Do vậy, Ngân hàng Nhà nước vẫn còn phải tiếp tục chống lạm phát.

Chúng tôi cho rằng thông tin về chỉ số CPI tháng 2 nhiều khả năng sẽ đạt mức tăng cao nhất theo tháng trong chu kỳ biến động của chỉ số này mặc dù mô hình dựa trên số liệu quá khứ của chúng tôi (trong mô hình này, chúng tôi so sánh chu kỳ tăng trưởng tín dụng và chu kỳ biến động của chỉ số CPI) vẫn cho thấy xu hướng biến động theo năm sẽ đạt đỉnh sớm nhất là vào mùa hè năm nay. Và một đợt tăng lãi suất nữa sẽ giúp hạn chế đà tăng của CPI và tất nhiên là sau đó chúng tôi sẽ phải theo dõi đường cong lợi suất trái phiếu kỳ hạn dài và cả chính chỉ số CPI để thấy được tác dụng của đợt tăng lãi suất. Chúng tôi vẫn khá tin tưởng rằng mức tăng CPI hiện tại sẽ không vượt quá mức tăng của chỉ số này hồi năm 2008 do chính phủ đã có phản ứng nhanh hơn nhiều.

Đồng thời, thị trường có lẽ sẽ tiếp tục linh xình hoặc thậm chí giảm trong những tuần cuối tháng 3 trước khi tăng trở lại. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư mua vào khi thị trường giảm và không nên mua với giá quá cao vào thời điểm hiện tại.

Hiện tại, top 38 cổ phiếu của các công ty có mức vốn hóa cao nhất có P/E dự phòng là 13,5, là mức khá hợp lý nhưng không quá rẻ. Với giả định GDP tăng trưởng với tốc độ 6,3% trong năm 2010, chúng tôi dự báo tăng trưởng lợi nhuận thuần sẽ là 14% và EPS điều chỉnh bình quân theo trọng số (của top 38 công ty hàng đầu) sẽ đạt mức tăng trưởng 6%.

HSC CHO RẰNG THỊ TRƯỜNG ĐANG
Ở VÀO THỜI ĐIỂM GIỮA CỦA HAI
ĐỢT TĂNG LÃI SUẤT, TRONG ĐÓ,
ĐỢT TĂNG LÃI SUẤT THỨ HAI SẼ
CHẤM DỨT CHUỖI CÁC BIỆN PHÁP
NHẪM ỔN ĐỊNH ĐỒNG NỘI TỆ
CŨNG NHƯ TOÀN BỘ NỀN KINH TẾ



nuôi dưỡng
khát vọng,



thu hoạch tầm nhìn



P H Â N K H Ú C

KHÁCH HÀNG

Trong năm 2009, HSC triển khai việc phân khúc khách hàng nhằm duy trì sự tập trung trong kinh doanh, tạo ra hai phân khúc riêng biệt với tên gọi Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức. Việc này cho phép HSC phát triển mạnh mẽ việc đa dạng hóa sản phẩm và chuyên biệt hóa dịch vụ ở mỗi phân khúc.

Mỗi phân khúc khách hàng được tổ chức lại nhằm phân bổ nguồn lực tốt hơn (về nhân lực, công nghệ và năng lực hỗ trợ tài chính), cho phép mỗi phân khúc khách hàng phát triển độc lập trong hoạt động... và hỗ trợ giao dịch. Bước đi chiến lược này đã mang HSC tiến đến gần hơn tham vọng cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính chuyên nghiệp và chuyên biệt hóa đến tất cả các đối tượng trên thị trường Việt Nam. Từ đó, HSC có thể đạt được mục tiêu là đơn vị dẫn đầu toàn thị trường chứng khoán trong tương lai.

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

TRÊN CƠ SỞ PHÂN CHIA KHÁCH HÀNG THEO TỪNG PHẦN KHÚC TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN, HSC XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CHUYÊN VIÊN CHUYÊN TRÁCH PHỤC VỤ CHO TỪNG ĐỐI TƯỢNG KHÁCH HÀNG RIÊNG BIỆT.



KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Ba năm vừa qua, chúng tôi đã xây dựng HSC thành một thương hiệu uy tín hàng đầu trong ngành chứng khoán Việt Nam. Mở rộng mạng lưới phục vụ khách hàng, đã và đang được khách hàng biết đến như một công ty chứng khoán cung cấp dịch vụ uy tín, công bằng, ổn định. Kết quả, thu nhập từ phí giao dịch của HSC tăng gần 3 lần so với năm 2007. Thị phần từ 4,5% trong năm 2008 đã tăng lên 5% trong năm 2009. Giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 61.000 tỷ đồng, (32 triệu USD) so với tổng giá trị khớp lệnh của toàn thị trường 630.147 tỷ đồng (330 triệu USD). Đây là kết quả của việc phân chia khách hàng theo từng phân khúc: khách hàng tổ chức và cá nhân.

Trên cơ sở đó HSC xây dựng đội ngũ chuyên viên chuyên trách phục vụ từng đối tượng khách hàng. HSC là công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam triển khai mô hình chuyên viên tư vấn tài chính cá nhân (chuyên viên tư vấn), mỗi khách hàng sẽ được một chuyên viên tư vấn phụ trách. Chuyên viên này tìm hiểu nhu cầu của nhà đầu tư: số tiền đầu tư, mức độ chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận... qua đó chuyên viên tư vấn đưa ra các tư vấn phù hợp cho khách hàng, phù hợp với xu hướng, và nhịp đi của thị trường. HSC là công ty chứng khoán Việt Nam đầu tiên đã giới thiệu chương trình hoa hồng môi giới theo đó chuyên viên tư vấn sẽ được HSC chia sẻ đến 30% phí môi giới ròng. Việc này thúc đẩy sự học hỏi, cập nhật kiến thức, thông tin thị trường thường xuyên của các chuyên viên tư vấn để có những tư vấn hợp lý tối ưu nhất cho các nhà đầu tư.

HSC cũng thường xuyên tổ chức huấn luyện các kỹ năng mềm và chuyên môn cho nhân viên. Hàng ngày, HSC tổ chức cập nhật các diễn biến mới nhất của thị trường, diễn giải các dấu hiệu thị trường và giải đáp thắc mắc cho tất cả các thành viên có quan tâm. Việc liên tục nâng cao kỹ năng cho phép HSC duy trì lợi thế cạnh tranh trước các công ty chứng khoán khác về chuyên môn, kinh nghiệm và dịch vụ.

KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Phát triển mạng lưới rộng hơn, nhanh hơn

Năm 2009, HSC mở thêm ba trung tâm giao dịch tại Hà Nội và TP.HCM, nâng tổng số điểm giao dịch của HSC lên 6 (3 tại Hà Nội và 3 tại TP.HCM). Việc mở rộng mạng lưới tạo nhiều thuận tiện hơn cho khách hàng, nhà đầu tư tại sàn HSC. HSC cũng đồng thời đầu tư nâng cấp hệ thống kỹ thuật phục vụ các khách hàng không có thời gian đến sàn theo dõi. Hệ thống giao dịch Vi-trade - cổng giao dịch chứng khoán qua Internet - tạo điều kiện cho nhà đầu tư theo dõi sát sao diễn biến thị trường, lệnh của nhà đầu tư sẽ được chuyển trực tiếp lên sàn HOSE và HNX nâng cao tính chính xác và hiệu quả khớp lệnh, kết quả của lệnh đặt cũng được phản hồi ngay qua Vi-trade. Quý khách hàng cũng có thể truy vấn thông tin về tài khoản của mình thông qua Vi-trade 24/24.

Nhằm cung cấp tối đa các góc nhìn sâu, rộng cho nhà đầu tư, Bản tin thị trường của HSC cung cấp kịp thời diễn biến thị trường, các phân tích diễn giải các dấu hiệu thị trường, và các nhận định về xu hướng thị trường. Hiện nay, HSC cung cấp Bản tin ngày, Bản tin tuần, Bản tin bán niên cho Quý khách hàng. HSC tự hào là công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam trong việc cung cấp các bản tin chất lượng cao cho Quý khách hàng.

Dịch vụ cộng thêm

Ngoài việc được tư vấn từ các chuyên viên tư vấn, HSC cũng tổ chức các buổi hội thảo chuyên đề cho Quý khách hàng hiện hữu và tiềm năng với các chuyên gia người nước ngoài và Việt Nam nhằm cung cấp các kết quả nghiên cứu, khuyến cáo, nhận định và giải đáp thắc mắc cho nhà đầu tư trong buổi hội thảo. Thông tin về hội thảo cũng như các vấn đề được thảo luận trong hội thảo được đưa lên website của HSC.

Đối với các nhà đầu tư có nhu cầu hỗ trợ thanh toán, HSC cũng kết hợp với các ngân hàng đối tác cung cấp các sản phẩm tài chính cho nhà đầu tư với mức lãi suất cạnh tranh. HSC thực hiện việc ứng tiền tự động cho các lệnh bán được khớp và không thu phí ứng trước cho khách hàng tiếp tục đầu tư.

Bên cạnh dịch vụ môi giới, HSC cũng cung cấp các dịch vụ khác như: lưu ký chứng khoán, quản lý sổ cổ đông, đấu giá, phát hành lần đầu ra công chúng (IPO).



KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

NHU CẦU ĐA DẠNG CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CÁ NHÂN VÀ TỔ CHỨC THỨC ĐẨY HSC NỖ LỰC TẠO RA SỰ PHÂN ĐỊNH RÕ RÀNG TRONG VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHO HAI PHÂN KHÚC NÀY.



KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Phân khúc khách hàng tổ chức của chúng tôi liên tục xếp hạng nhất, nhì về thị phần trong số các công ty chứng khoán cung cấp cùng loại hình dịch vụ trên thị trường. Ở phân khúc này, chúng tôi liên tục tăng trưởng mạnh mẽ trong việc phục vụ các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước nhờ vào sự khác biệt trong năng lực nghiên cứu phân tích thị trường toàn diện và nền tảng tài chính vững mạnh, giúp họ tiếp cận sâu, rộng hơn về tính thanh khoản và hỗ trợ bao tiêu trọn gói trong hoạt động giao dịch.

Tạo nên sự khác biệt

Nhu cầu đa dạng của các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức thúc đẩy HSC nỗ lực tạo ra sự phân định rõ ràng trong việc đáp ứng các sản phẩm, dịch vụ cho hai phân khúc này. Sự lựa chọn đầu tư của các khách hàng tổ chức ít mang tính đầu cơ. Họ cân nhắc lợi ích dài hạn nhiều hơn là chỉ nhắm đến lợi ích ngắn hạn. Với khách hàng tổ chức nước ngoài, mối quan tâm thường xoay quanh cái nhìn tổng quan về tăng trưởng của nền kinh tế thường sẽ tạo ra ảnh hưởng sâu hơn là chú ý đến những biến động thị trường do đột biến giá, đầu cơ bầy đàn và các yếu tố khác.

Trên thực tế, không quốc gia nào tránh khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gần đây. Tuy nhiên, có thể nói, quá trình hồi phục của Việt Nam ta diễn ra nhanh chóng trong chưa đầy một năm với tốc độ tăng trưởng 6,65%. Sự linh hoạt này khuyến khích dòng vốn nước ngoài tiếp tục chảy vào Việt Nam.

HSC đã sẵn sàng và có thể đáp ứng những mối quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài bằng cách cung cấp những phân tích chuyên sâu về tiềm năng phát triển của đất nước và các sản phẩm mang chuẩn mực quốc tế. Những điều này đều nằm trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước, giữa bối cảnh Việt Nam vẫn đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế mở và vẫn còn những giới hạn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Trong khi đó, các tổ chức đầu tư trong nước cũng có những nhu cầu khác nhau. Vì vậy, HSC đã mở rộng quy mô kinh doanh để luôn giữ vị thế dẫn đầu trong các xu hướng tài chính.

Nghiên cứu có chọn lọc

Một trong những thế mạnh của HSC nằm ở năng lực nghiên cứu. Chúng tôi đã xây dựng được danh tiếng trong việc đưa ra các nghiên cứu chất lượng, thấu đáo và với độ tin cậy cao nhằm hướng đến mục tiêu trở thành công ty chứng khoán có tên tuổi và am hiểu thị trường.

KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Đối với khách hàng tổ chức của HSC, nghiên cứu chính là động lực và tác nhân tạo nên sự khác biệt. HSC tự hào vì đã quy tụ được nhiều nhà phân tích giàu kinh nghiệm, có thể xử lý dữ liệu phù hợp, đưa ra các báo cáo thường nhật, thông tin về công ty, ngành, phân tích thị trường và các bản báo cáo chiến lược dựa trên yêu cầu riêng của khách hàng. Minh chứng xuất sắc nhất cho hoạt động của đội ngũ nghiên cứu độc lập và chất lượng cao của HSC là Bản báo cáo bình luận thị trường hàng ngày của HSC, một báo cáo được đón nhận và lưu hành rộng rãi trong cộng đồng các tổ chức đầu tư.

Nghiên cứu dành cho các khách hàng tổ chức đòi hỏi cái nhìn được chọn lọc kỹ lưỡng và chi tiết về tăng trưởng kinh tế vĩ mô cũng như vĩ mô. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gần đây đã khơi nguồn cho các hỗ trợ của chính phủ đối với một số lĩnh vực gặp khó khăn, có thể hoặc không thể duy trì được sự tồn tại cho đến khi thị trường hồi phục hoàn toàn. Các nhà đầu tư ngày càng cảnh giác và ý thức hơn, đòi hỏi doanh nghiệp tiết lộ thông tin nhiều hơn trước khi đưa ra những cam kết của họ. Chính phủ cũng đã đẩy mạnh vấn đề pháp lý nhằm đảm bảo tính minh bạch trong giao dịch. Xuyên suốt tình hình kinh doanh hiện nay, các nghiên cứu công bằng, chất lượng là tài sản thiết yếu đối với mọi nhà đầu tư.

Kết nối doanh nghiệp

Trong năm 2009, HSC đã tích cực tổ chức các chuyến làm việc cho nhà đầu tư nước ngoài tiềm năng tại các doanh nghiệp trong nước nhằm tạo điều kiện giới thiệu và thiết lập quan hệ đối tác cho cả hai bên. HSC đã đưa ra sáng kiến này nhằm khuyến khích mối quan tâm từ nước ngoài đến các doanh nghiệp Việt Nam, gián tiếp tăng cường dòng ngoại tệ và giúp khôi phục kinh tế trong nước.

Các chuyến thăm của doanh nghiệp nước ngoài ngày càng phổ biến hơn và HSC sẽ tiếp tục đóng vai trò chủ động trong việc thương thảo vấn đề lập quan hệ hợp tác giữa doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp toàn cầu.

Đảm bảo chất lượng

Bộ phận Kinh doanh Khách hàng Tổ chức của chúng tôi có những nhà tư vấn tài chính xuất sắc nhất và sáng giá nhất. Họ được đào tạo để trở thành nhà môi giới đầu tư sắc sảo, có thể làm được nhiều hơn việc thương thuyết bán hàng. Họ còn có thể tạo nên mối quan hệ khách hàng lâu dài và khơi dậy sự trung thành ở các nhà đầu tư do độ tin cậy, tính chuyên nghiệp và trung thực trong hoạt động chuyên môn.

Sự minh bạch luôn là tâm điểm trong mọi giao dịch. Công ty chúng tôi tự hào về việc nắm bắt và duy trì được nền tảng khách hàng có chất lượng đối với nhà đầu tư trong lẫn ngoài nước. Hình thức hoạt động kiểm tra - cân đối giữa nhà môi giới và cơ quan quản lý luôn được đặt đúng chỗ nhằm đảm bảo giao dịch theo trình tự. HSC có một hệ thống quản trị rủi ro hợp lý từ khâu triển khai hoạt động mua bán đến xác nhận đặt lệnh, đảm bảo được sự nhất quán trong mỗi bước của quá trình giao dịch.

Trong năm 2010, phân khúc khách hàng là các tổ chức đầu tư sẽ tiếp tục đặt nền tảng cho quá trình tăng trưởng trong tương lai, tối ưu hóa các nguồn lực nhằm thu được lợi nhuận cao nhất. Một chuyên viên về trái phiếu đã vào làm việc cho HSC nhằm giúp công ty có những chuẩn bị cần thiết trước sự kiện giao dịch trái phiếu trên thị trường trong nước. HSC sẽ tiếp tục là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực này, có thể dự đoán và làm sáng tỏ những xu hướng, thích nghi trước với môi trường cạnh tranh.

HSC SẼ TIẾP TỤC LÀ ĐƠN VỊ TIÊN PHONG TRONG LĨNH VỰC NÀY, CÓ THỂ DỰ ĐOÁN VÀ LÀM SÁNG TỎ NHỮNG XU HƯỚNG, THÍCH NGHI TRƯỚC VỚI MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH.



CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU 2009

Năm 2009 là năm có nhiều biến động to lớn trên thị trường tài chính và mang đến những thách thức không nhỏ cho ngành Tài chính Doanh nghiệp vì nhu cầu mới giảm mạnh. Thị trường tài chính Việt Nam nói chung và HSC nói riêng cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng đó.

Mặc dù hoạt động Tài chính Doanh nghiệp của HSC cũng bị ảnh hưởng không nhỏ nhưng chúng tôi đã vượt qua khó khăn bằng những chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ và các gói sản phẩm đa dạng luôn đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường.

Nhờ sự tin tưởng của Khách hàng Doanh nghiệp và việc cải thiện quy trình nội bộ và khả năng thực hiện, HSC đã đạt được thành quả tốt đẹp với những dự án tiêu biểu trong năm 2009 như:



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC
PHẨM SAVI (SAVIPHARM)**

- ◆ Định giá Doanh nghiệp
- ◆ Tư vấn sát nhập/mua công ty
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
72 tỷ đồng

GIAO DỊCH TƯ NHÂN

- ◆ Định giá/Tái cấu trúc/
Phát hành riêng lẻ
- ◆ Tư vấn sát nhập/mua công ty
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
bảo mật



**CÔNG TY
CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
NAM LONG**

- ◆ Phát hành cổ phiếu
- ◆ Thị trường vốn
cổ phần - Phát hành
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
382 tỷ đồng



**CÔNG TY VẠN CHUYÊN
ĐƯỜNG THỦY MIỀN NAM**

- ◆ Đầu giá Cổ phần Hóa
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- IPO
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
670 tỷ đồng



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN
NHÀ NƯỚC**

- ◆ Đầu giá Cổ phần Hóa
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- IPO
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
15.000 tỷ đồng



**QUỸ ĐẦU TƯ
HẠ TẦNG KỸ THUẬT
TP.HCM**

- ◆ Phát hành cổ phiếu
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Phát hành
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
500 tỷ đồng



**CÔNG TY NGOẠI THƯƠNG
PHÁT TRIỂN VÀ ĐẦU TƯ**

- ◆ Niêm yết
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Tư vấn niêm yết
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
142 tỷ đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ
BÌNH CHÁNH**

- ◆ Niêm yết
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Tư vấn niêm yết
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
542 tỷ đồng

CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU 2009



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ
PHÁT TRIỂN
BÌNH DƯƠNG**

- ◆ Phát hành cổ phiếu
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Phát hành
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
100 tỷ đồng



**CÔNG TY
SON Á ĐÔNG**

- ◆ UPCOM
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Tư vấn niêm yết
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
50 tỷ đồng



**CÔNG TY
PHÂN LÂN
NUNG CHẤY
VĂN ĐIỂN**

- ◆ Cổ phần hóa - Định giá,
IPO, Đại hội cổ đông lần 1
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Cổ phần hóa
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
271 tỷ đồng

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM
HỮU HẠN PHÚ THẮNG**

- ◆ Định giá tài sản
- ◆ Tư vấn sát nhập/mua
công ty
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
5 tỷ đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI
GIA LAI**

- ◆ Phát hành cổ phiếu
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Phát hành
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
18,8 tỷ đồng

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN CÂY CÔNG NGHIỆP
DIỆN BIÊN**

- ◆ Phát hành lần 1
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- IPO
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
5 tỷ đồng

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN CÂY CÔNG NGHIỆP
DIỆN BIÊN**

- ◆ Phát hành lần 2
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- IPO
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
5 tỷ đồng

**CÔNG TY MÔI TRƯỜNG
ĐỒ THỊ MÓNG CÁI**

- ◆ Cổ phần hóa - Định giá,
IPO và Đại hội cổ đông
lần 1
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- IPO
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
7 tỷ đồng

**CÔNG TY MÔI TRƯỜNG
ĐỒ THỊ CẨM PHẢ**

- ◆ Cổ phần hóa - Định giá,
IPO và Đại hội cổ đông
lần 1
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- IPO
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
15 tỷ đồng

GIAO DỊCH CÁ NHÂN

- ◆ Tái cấu trúc tài chính
- ◆ Tư vấn sát nhập/mua
công ty
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
21,7 tỷ đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
TP.HCM**

- ◆ Niêm yết
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Tư vấn niêm yết
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
394 tỷ đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ GIAO THÔNG
BÌNH DƯƠNG**

- ◆ Phát hành cổ phiếu
- ◆ Thị trường vốn cổ phần
- Phát hành
- ◆ Năm 2009
- ◆ Vốn điều lệ:
100 tỷ đồng

NĂNG LỰC CỐT LÕI

TRONG THÁNG 1/2009, LƯỢNG ĐẶT LỆNH BẰNG HÌNH THỨC GIAO DỊCH QUA INTERNET GHI NHẬN ĐƯỢC LÀ 16,3% VÀ CHỈ CHIẾM 3,4% GIÁ TRỊ GIAO DỊCH. CUỐI THÁNG 12/2009, TỶ LỆ NÀY TĂNG LÊN 41,6% VÀ CHIẾM 17,6% GIÁ TRỊ GIAO DỊCH.



Lộ trình phát triển của chúng tôi bao gồm nhiệm vụ cơ bản của việc thiết lập năng lực cạnh tranh xuyên suốt ở công nghệ, nghiên cứu, Quản trị rủi ro/Kiểm soát nội bộ trong khi thay đổi chiến lược theo phân khúc khách hàng. Chúng tôi cũng bổ sung một phân đoạn khác vào sức mạnh của công ty bằng việc tăng cường tài sản cốt lõi – nguồn nhân lực. Sự hợp lực trong kinh doanh là những viên gạch nền tảng cho sự ổn định và phát triển của HSC, củng cố năng lực cạnh tranh của chúng tôi trên thị trường.

NHỮNG BƯỚC TIẾN VỀ CÔNG NGHỆ

HSC tiếp thu những tiến bộ mới nhất trong công nghệ nhằm đảm bảo việc kết nối ở cả hai sàn giao dịch Hà Nội và TP.HCM diễn ra nhanh chóng, hỗ trợ toàn lực hoạt động và bảo trì hệ thống. HSC đã nâng cấp mạng lưới vận hành dựa trên nền tảng công nghệ của Tập đoàn Cisco, quản lý đồng thời tổng cộng 40 máy chủ IBM, gấp đôi so với năm 2008. Chúng tôi cũng đã triển khai một hạ tầng gồm hệ thống cáp quang, đường truyền thuê riêng và nhiều kết nối băng thông rộng ADSL từ nhiều nhà cung cấp dịch vụ. Đây là hệ thống dự phòng vững chắc, giảm thiểu tối đa thời gian ngừng giao dịch khi có sự cố xảy ra.

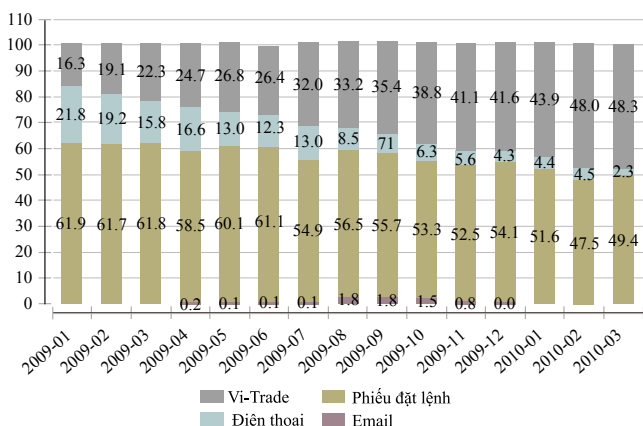
Về mặt hạ tầng, HSC có cấu hình khôi phục linh hoạt và độ tin cậy cao. Tất cả các dịch vụ quan trọng hiện chạy ở chế độ trạng thái dự phòng nóng, cho phép phục hồi nhanh chóng, tránh tình trạng lỗi phần cứng, đảm bảo giao dịch thông suốt.

Giao dịch trực tuyến

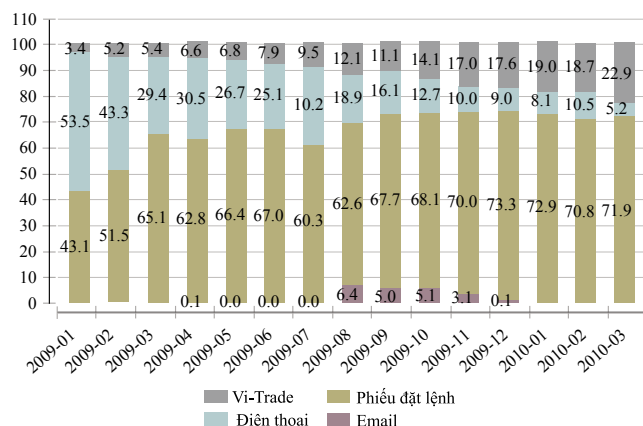
HSC là một trong 3 công ty chứng khoán hàng đầu chủ động khuyến khích giao dịch trực tuyến nhằm kết nối nhà đầu tư với sàn giao dịch bất cứ lúc nào và bất cứ nơi đâu. Thành tích của giao dịch trực tuyến trong năm 2009 tăng mạnh (xem biểu đồ minh họa). Trong tháng 1/2009, lượng đặt lệnh bằng hình thức giao dịch qua Internet ghi nhận được là 16,3% và chỉ chiếm 3,4% giá trị giao dịch. Cuối tháng 12/2009, tỷ lệ này tăng lên 41,6% và chiếm 17,6% giá trị giao dịch. Xu hướng tăng này vẫn đang tiếp tục tăng (xem biểu đồ minh họa giao dịch trong tháng 3/2010).

NĂNG LỰC CỐT LÕI

Tỷ lệ đặt lệnh theo kênh



Tỷ lệ trị giá khớp lệnh theo kênh



VIS.NET, hệ thống giao dịch chạy trên nền tảng NET được tung ra trong năm 2009, là phiên bản cải tiến của VIS (giới thiệu vào năm 2008). Ngoài thiết kế giao dịch chuyên nghiệp, VIS.NET còn cung cấp nhiều tính năng hữu ích khác cho nhà đầu tư như: quản lý danh mục đầu tư trực tuyến để nhà đầu tư có thể quyết định tỷ suất Lãi/Lỗ dựa trên diễn biến thị trường trong thời gian thực, cập nhật giá và một bản đồ nhiệt thể hiện đầy đủ, hiệu quả hơn về toàn cảnh thị trường. VIS.NET mang lại những thông tin chính xác, trực tuyến, được chuyển trực tiếp từ sàn giao dịch. Các giao dịch trên hệ thống giao dịch được xử lý đồng thời, hỗ trợ bởi một nền tảng phần mềm dựa trên AFE từ Hong Kong. Hệ thống đặt lệnh chuyên nghiệp này có thể xử lý hơn 100.000 lệnh mỗi ngày và 10.000 tài khoản giao dịch cùng lúc, quản lý được nhiều loại tiền tệ, ngôn ngữ và thị trường một cách dễ dàng. Chương trình này được thiết lập tại tất cả 6 phòng giao dịch, kết nối về hội sở theo mô hình tập trung.

Cải thiện kết nối

Hệ thống giao dịch VIP Trade được giới thiệu vào đầu năm 2010, chủ yếu dành cho các khách hàng VIP của HSC. Hệ thống này cho phép nhà đầu tư quản lý nhiều tài khoản và danh sách đặt lệnh thời gian thực cũng như thông tin thị trường cùng với những tiện ích khác nhằm phục vụ các nhu cầu khác nhau của khách hàng. VIP Trade cũng liên tục chuyển trực tiếp những luồng dữ liệu từ công thông tin tài chính Bloomberg tại Hong Kong và Reuters. Sự tích hợp này sẽ kết nối nhà đầu tư với thông tin kinh doanh, tài chính, kinh tế trên toàn thế giới một cách kịp thời, chính xác.

Từ tháng 8/2009, HSC đã đặt nền móng quan trọng để trở thành một trong số ít công ty chứng khoán được HNX chứng nhận, cho phép giao dịch qua các kênh Giao dịch thông sản của HNX. Đầu năm 2010, HSC trở thành một phần trong nhóm được lựa chọn để kết nối với HNX thông qua hệ thống Giao dịch thông sản. Nền tảng giao dịch của HSC hiện nay có thể xử lý các giao dịch trên cả hai thị trường chứng khoán, mở rộng thêm dịch vụ sẵn có cho các nhà đầu tư nhanh nhạy.



NĂNG LỰC CỐT LÕI

NỀN TẢNG GIAO DỊCH CỦA HSC HIỆN NAY CÓ THỂ XỬ LÝ CÁC GIAO DỊCH TRÊN CẢ HAI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN, MỞ RỘNG THÊM DỊCH VỤ SẴN CÓ CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NHANH NHẠY.



Về nội bộ, HSC cũng đã cải thiện nền tảng tình hình kinh doanh dựa trên công nghệ tin tích hợp SharePoint để bổ sung cho việc dịch chuyển sang hình thức quản trị tập thể. Từ đó, tất cả bộ phận có thể chia sẻ cùng nhau những chỉ số đánh giá, các kết quả và thông tin phù hợp về sản phẩm, dịch vụ và phản ứng nhanh hơn trước những biến đổi của thị trường.

HSC sẽ tiếp tục nâng cấp công nghệ và quản lý cơ sở hạ tầng trong năm 2010 bằng cách triển khai hệ thống giao dịch qua điện thoại di động được bảo mật, nhanh chóng. Ngoài ra, công ty cũng sẽ đưa ra các gói khuyến khích hoạt động giao dịch trực tuyến, hệ thống quản trị tài liệu doanh nghiệp và kế hoạch phục hồi sau thảm họa hiệu quả hơn.

VAI TRÒ THIẾT YẾU CỦA NGHIÊN CỨU

Đội ngũ nghiên cứu của HSC gồm 1 chuyên gia phân tích chiến lược, 10 chuyên viên phân tích ngành, 2 chuyên viên phân tích vĩ mô và 2 chuyên viên phân tích kỹ thuật với nhiều kinh nghiệm làm việc ở các ngành và lĩnh vực khác nhau, trong đó có kiểm toán, nghiên cứu thị trường và tài chính. Đội ngũ này có khả năng cung cấp những phân tích chiến lược đầy đủ và tổng quan về thị trường với độ phủ hơn 100 công ty niêm yết hàng đầu và các công ty trên thị trường OTC, được phân chia thành những ngành chính. Các phân tích này được chuyển tải đến nhà đầu tư thông qua các báo cáo xếp hạng cổ phiếu và các mô hình thu thập chi tiết trong đó phân tích những chỉ số thị trường chính và kết quả hoạt động của mỗi công ty, sau đó được hỗ trợ bằng phương pháp phân tích “từ trên xuống” của chuyên gia phân tích chiến lược và phân tích kỹ thuật để có những quan điểm dự báo về thời điểm đầu tư và xu hướng thị trường.

Phương pháp chính thống này cho phép HSC cung cấp cho nhà đầu tư những thông tin và phân tích quan trọng để có được những đánh giá hợp lý dựa trên sự hiểu biết sâu sắc khía cạnh cơ bản của cổ phiếu, và các yếu tố dẫn dắt giá cổ phiếu trên thị trường. HSC có một cơ sở dữ liệu rất tốt, bao gồm các mô hình về nhu cầu ngành, những thông tin tài chính của các doanh nghiệp và một tập hợp các thông tin cơ sở được thu thập từ nhiều nguồn hợp pháp như các bài báo, và các thông tin công bố của doanh nghiệp.

Các sản phẩm cung cấp cho nhà đầu tư - Báo cáo phân tích

HSC phát hành nhiều loại báo cáo đa dạng bao gồm:

- Báo cáo phân tích công ty - Cung cấp các phân tích chi tiết, bao gồm tình trạng tài chính của doanh nghiệp, năng lực quản trị của doanh nghiệp đã niêm yết hoặc chưa niêm yết và môi trường kinh doanh của doanh nghiệp đó.
- Các báo cáo phân tích ngành - Bao gồm những ngành chủ chốt trên thị trường, trong đó có những nhận định đánh giá về môi trường pháp lý; môi trường kinh doanh và môi trường kinh tế mà ngành đó đang hoạt động.
- Báo cáo phân tích kỹ thuật - Phân tích chuyên sâu về các công ty có tác động mạnh nhất đến những biến động giá của thị trường và tình hình hoạt động của ngành.
- Báo cáo phân tích chiến lược - Một cái nhìn khách quan về những diễn biến của nền kinh tế, sự biến động của thị trường và những diễn biến khác nhằm cung cấp cho nhà đầu tư những tư vấn về chiến lược đầu tư.

QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

2009 là một năm nhiều biến động và mang lại nhiều bất ngờ cho thị trường chứng khoán Việt Nam. Những biến động này mang lại các luận cứ, dẫn chứng cho những gì đã xảy ra và những điều đã sai. Tuy nhiên, trong hoạt động quản trị kinh doanh thường nhật của chúng tôi, việc xác định rủi ro là rất khó khăn, nhưng cũng không kém phần quan trọng so với việc đi tìm kiếm các cơ hội nhằm mang lại những kết quả tốt nhất.

HSC đặt Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ ở mức độ ưu tiên cao nhất, ngang bằng với những giá trị cốt lõi của doanh nghiệp về đạo đức làm việc, sự liêm khiết và chuyên nghiệp. Chúng tôi đã thiết lập một quy trình rõ ràng giữa khối giao dịch tiếp xúc khách hàng và khối các đơn vị hỗ trợ nhằm thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra - cân đối trong mỗi giao dịch.

Việc thiết lập mô hình quản trị tập thể đã cải thiện quy trình Quản trị rủi ro và đưa đến mở rộng quy trình này qua việc thành lập các Ủy ban Quản trị chuyên trách về Hoạt động, Tín dụng và Đầu tư. Các khía cạnh rủi ro cao đối với doanh nghiệp này đòi hỏi một quy trình đưa ra quyết định chặt chẽ hơn nhằm đảm bảo mọi quy định của công ty được tuân theo, tối đa hóa nguồn nhân lực, tối thiểu hóa chi phí. Mỗi thành viên Ủy ban đóng góp dựa trên năng lực chuyên môn và hoạt động của mình nhằm mang lại một phương pháp quản lý toàn

diện hơn. Trong đó, tất cả khía cạnh của giải pháp và cách triển khai đều được cân nhắc kỹ lưỡng.

Ủy ban tín dụng tổ chức họp ít nhất một lần mỗi tháng để thảo luận về tình hình các sản phẩm giao dịch ký quỹ và hỗ trợ lựa chọn các giao dịch. Ủy ban Đầu tư tập trung vào các giao dịch vốn chủ sở hữu đóng góp một tỷ lệ đáng kể vào doanh thu của công ty. Ủy ban này đảm bảo việc sử dụng vốn của cổ đông một cách thận trọng, đúng đắn và xây dựng các chiến lược rõ ràng định hướng cho các hoạt động đầu tư. Ủy ban chuyên trách hoạt động kinh doanh đưa ra các hướng dẫn phù hợp nhằm bảo vệ an sinh của công ty và tất cả cổ đông, xem xét và đề ra các chính sách nhằm bảo đảm việc tuân thủ trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước và thông lệ quốc tế.

NGUỒN NHÂN LỰC

Trong môi trường cạnh tranh mạnh mẽ với nhiều biến động, việc tập trung vào công tác xây dựng sức mạnh lãnh đạo và gắn kết nhân viên là rất cần thiết. HSC đã tạo được bước tiến mạnh mẽ trong việc xây dựng đội ngũ quản trị cấp cao để giúp công ty nâng cao năng lực quản trị rủi ro và khả năng xử lý các nghiệp vụ trong kinh doanh. Trong năm 2009, chúng tôi đã bổ nhiệm nhiều vị trí trong đội ngũ quản lý cấp cao. Một trong những quyết định bổ nhiệm quan trọng là vị trí Phó Tổng Giám đốc Điều hành (COO). Với việc mở rộng đội ngũ lãnh đạo và tăng cường năng lực, HSC đã xây dựng đầy đủ cơ sở để triển khai các chiến lược kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng liên tục.



nuôi dưỡng
tiềm năng,



thu hoạch cơ hội



P H Ư Ớ N G H Ư Ớ N G

CHIẾN LƯỢC

*Trong năm 2010, HSC dự kiến tập trung vào những phương hướng sau:
Tạo sự bền vững trong việc mở rộng hoạt động kinh doanh, chiếm lĩnh thị phần vững chắc bằng việc tăng cường các kênh giao dịch, cả các trung tâm giao dịch lẫn kênh Internet.*

HSC nhận định thị trường vẫn còn trong tình trạng phân tán và dự định tập trung vào phân khúc thị trường chính thống bằng việc cung cấp cho nhà đầu tư những thông tin tin cậy, dễ dàng truy cập và dịch vụ chất lượng cao. Những thay đổi mà HSC triển khai sẽ đóng vai trò như một chất xúc tác, cho phép nuôi dưỡng những tiềm năng nhằm thu hoạch được những cơ hội tốt trong những năm sắp tới.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2010



Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2010

Năm 2010 khởi đầu với 2 tháng giao dịch khá trầm lắng nhưng việc này cũng bình thường do các nhà đầu tư bị giảm đi sự nhiệt tình với thị trường trong kỳ nghỉ Tết âm lịch diễn ra vào tháng 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2010 của chúng tôi dựa trên những giả thiết nhất định về khối lượng giao dịch của thị trường và về thị phần môi giới của công ty – là những yếu tố quan trọng nhất của chúng tôi về ngành môi giới chứng khoán và chiến lược kinh doanh của chúng tôi vẫn là tiếp tục tập trung mở rộng hơn nữa hoạt động kinh doanh môi giới cũng như các hoạt động kinh doanh thu phí.

Nếu sử dụng tốc độ tăng trưởng bình quân chung của một thị trường mới phát triển là 25% một năm và có xem xét thêm những yếu tố thuận lợi diễn ra ngoài dự đoán như đã xảy ra năm 2009, chúng tôi đi đến một dự báo về giá trị giao dịch ngày bình quân cho thị trường chứng khoán Việt Nam là 3,5 nghìn tỷ đồng cho năm 2010. Vào đầu tháng 3 năm 2010, có vẻ như giá trị giao dịch thực tế đã đạt rất gần với con số dự báo của chúng tôi. Chúng tôi cũng đặt ra mục tiêu thị phần là 6,5% cho năm 2010 (thị phần của chúng tôi trong những tháng cuối năm 2009 bình quân đạt khoảng 5,5%). Mục tiêu này được đặt ra dựa trên dự báo là chúng tôi sẽ tiếp tục mở rộng cả hoạt động kinh doanh môi giới khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân một cách mạnh mẽ, trong đó, mảng môi giới khách hàng cá nhân sẽ chiếm 2/3 và môi giới khách hàng tổ chức chiếm 1/3 tổng doanh thu từ phí giao dịch. Trong mảng môi giới khách hàng cá nhân, chúng tôi tiếp tục tập trung mở rộng mạng lưới địa điểm và cơ sở hạ tầng kinh doanh môi giới với việc tăng thêm các nhân viên môi giới và nhân viên quản lý

tài khoản khách hàng. Chúng tôi cũng ước đoán số lượng tài khoản giao dịch và khối lượng giao dịch qua internet sẽ tăng mạnh, dựa trên chiến lược phát triển của HSC trong việc nhắm đến thị trường này, và dựa trên những công cụ thông tin và giao dịch hiện đại và đẳng cấp của HSC. Chúng tôi dự báo tỷ lệ khối lượng giao dịch qua internet sẽ tăng từ 42% lên 65% so với tổng khối lượng giao dịch, đồng thời tỷ lệ giá trị giao dịch qua internet sẽ tăng từ 17% lên 30% trong tổng giá trị giao dịch của HSC vào cuối năm 2010.

Trong mảng kinh doanh môi giới khách hàng tổ chức, mối quan hệ đối tác và sự hợp tác với nhiều nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước (được gây dựng từ cuối năm 2009) sẽ giúp tạo ra một làn sóng đầu tư mới của các nhà đầu tư tổ chức tại Việt Nam. Chúng ta đã tạo những tiền đề trong thị trường sơ cấp thông qua việc thiết lập mối liên hệ chặt chẽ giữa chức năng tìm kiếm dự án (bộ phận tài chính doanh nghiệp) và chức năng kinh doanh (bộ phận môi giới cho khách hàng tổ chức). Những cơ hội phát hành cho năm 2010 đã được xác định, và cùng với thế mạnh hiện tại trong lĩnh vực phân tích và với các sản phẩm thị trường thứ cấp, điều này sẽ tiếp tục giúp chúng ta giữ được địa vị đứng đầu trong lĩnh vực phục vụ các nhà đầu tư tổ chức.

Với dự báo tăng trưởng và kế hoạch mở rộng như trên, chúng ta có thể sẽ cần huy động thêm nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu về thanh khoản và nguồn hỗ trợ thanh toán của bộ phận môi giới khách hàng cá nhân. Trong năm tài khóa này, chúng tôi dự định sẽ tạo ra một tỷ lệ sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn vay hiệu quả nhằm tối ưu hóa tỷ suất lợi nhuận cho các cổ đông. Các cổ đông của HSC sẽ bỏ phiếu biểu quyết cho những kế hoạch tăng vốn của chúng tôi tại Đại hội cổ đông thường niên tổ chức vào tháng 4/2010.

Nhu cầu sử dụng vốn hiệu quả cũng đồng nghĩa với việc cần có một cơ chế quản trị rủi ro chặt chẽ hơn đối với các hoạt động đầu tư chính của chúng tôi trong năm nay. Đồng thời, trong khi tiếp tục tận dụng những cơ hội trên cả thị trường cổ phiếu và trái phiếu, thì tỷ lệ vốn phân bổ cho việc đầu tư tự doanh cổ phiếu và trái phiếu sẽ không quá 20% tổng tài sản.

Do HSC là một công ty có các hoạt động kinh doanh hết sức đa dạng nên nhân tố chủ chốt góp phần đưa HSC thành một định chế tài chính hàng đầu trên thị trường Việt Nam là HSC tạo ra được sự điều phối kết hợp giữa tất cả các lĩnh vực kinh doanh của công ty nhằm quản lý và sử dụng các nguồn lực một cách nhất quán và hiệu quả. Chúng tôi tiếp tục quán triệt nguyên tắc Quản Trị Tập Thể xuyên suốt chiến lược và văn hóa kinh doanh của chúng tôi nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh này.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

HSC nhận thức được Quản trị doanh nghiệp là điều cần thiết cho sự phát triển bền vững và việc mở rộng quy mô hoạt động trong tương lai. Việc chú trọng Quản trị doanh nghiệp trở thành một chuẩn mực cho toàn tổ chức, từ việc cấu trúc công ty, điều hành hoạt động kinh doanh và xây dựng quan hệ với đối tác cũng như tạo dựng lòng tin với các khách hàng và cổ đông.

Tại HSC, chúng tôi xây dựng những tiêu chuẩn và quy trình không chỉ đảm bảo tính hiệu quả mà còn thể hiện đạo đức nghề nghiệp. Chúng tôi không ngừng cải thiện các quy trình hoạt động để tăng cường tính minh bạch trong mọi hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị độc lập

HSC có một Hội đồng Quản trị độc lập với sự tách biệt vai trò của Chủ tịch và Tổng Giám đốc và các thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm với các cổ đông về kết quả hoạt động tài chính, các hành vi pháp lý và đạo đức của công ty.

Quản lý rủi ro

Hoạt động quản lý rủi ro được điều hành bởi Hội đồng Quản trị và do các Giám đốc bộ phận kinh doanh, đội ngũ nhân viên trực tiếp thực hiện. Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức các cuộc họp hàng tuần, hàng tháng và hàng quý nhằm thảo luận và đưa ra các giải pháp, chính sách cần thiết cho hoạt động kinh doanh của công ty. Ban Giám đốc cũng đặt ra các quy trình hướng dẫn chặt chẽ nhằm giúp công ty đảm bảo hoạt động liên tục và hạn chế rủi ro trong các giao dịch hàng ngày.

Chuẩn mực đạo đức

Chuẩn mực đạo đức của HSC được thực hiện và duy trì trong mọi lĩnh vực hoạt động của công ty. Phòng Nhân sự chịu trách nhiệm đảm bảo việc kinh doanh có đạo đức và hợp pháp, cùng hướng với các giá trị cốt lõi của công ty.

TẠI HSC, CHÚNG TÔI XÂY DỰNG NHỮNG TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH KHÔNG CHỈ ĐẢM BẢO TÍNH HIỆU QUẢ MÀ CÒN THỂ HIỆN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP. CHÚNG TÔI KHÔNG NGỪNG CẢI THIẾN CÁC QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG ĐỂ TĂNG CƯỜNG TÍNH MINH BẠCH TRONG MỌI HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.



48-49	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
50	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
51 - 56	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
57	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
58 - 59	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
60 - 83	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 2, và 3 số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội, và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	278.119.318.635	23.543.011.112
Cổ tức thực trả trong năm	20.769.370.960	38.019.370.900
Cổ tức công bố nhưng chưa trả tại ngày 31 tháng 12	42.405.496.459	11.949.619.419
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12	328.805.412.265	132.269.417.751

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 27/QĐ-SGDHCM ngày 20 tháng 4 năm 2009 và bắt đầu giao dịch từ ngày 19 tháng 5 năm 2009.

Ngày 23 tháng 12 năm 2009, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về ngày đăng ký cuối cùng thường cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư của Công ty là ngày 29 tháng 12 năm 2009 với số lượng cổ phiếu là 19.699.386 cổ phiếu và tổng giá trị niêm yết là 196.993.860.000 đồng theo Thông báo 784/TB-SGDHCM. Công ty đang trong quá trình hoàn tất hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung và gửi Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh để được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Kim Liên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Đỗ Hùng Việt	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Lê Anh Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Johan Nyvene	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Hoàng Đình Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2007
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên	Từ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2009

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định 19/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm và Thông báo 79/TB-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức giao dịch ngày 09 tháng 02 năm 2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 19.699.386 cổ phiếu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc:

- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- ▶ Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Bà Ngô Kim Liên
Chủ tịch Hội đồng Quản trị




Ông Johan Nyvene
Thành viên Hội đồng Quản trị

Số tham chiếu: 60790272/13897773

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") như được trình bày từ trang 51 đến trang 83. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn bộ đối với các báo cáo tài chính này vào ngày 31 tháng 3 năm 2009.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam (H)
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

W. Hoang Van

Wõ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyen Xuan Dai

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 09 tháng 02 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	VNĐ	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.992.037.321.030	424.512.702.959
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	826.814.983.238	134.722.054.635
111	1. Tiền		826.814.983.238	134.722.054.635
112	2. Các khoản tương đương tiền		—	—
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	267.505.454.106	179.621.648.637
121	1. Đầu tư ngắn hạn		348.596.184.618	369.171.202.766
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(81.090.730.512)	(189.549.554.129)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		888.641.398.684	98.966.106.292
131	1. Phải thu của khách hàng	7	1.129.867.100	2.974.849.166
132	2. Trả trước cho người bán		150.000.000	41.746.440
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		—	—
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	7	655.156.686.651	47.317.151.378
138	5. Các khoản phải thu khác	7	253.052.082.667	81.286.304.031
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(20.847.237.734)	(32.653.944.723)
140	IV. Hàng tồn kho		—	—
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.075.485.002	11.202.893.395
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.647.183.496	2.543.001.944
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		—	3.444.081
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		4.151.843.810	7.675.279.835
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.276.457.696	981.167.535

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		97.500.118.701	1.054.696.973.332
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		—	—
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		—	—
212	2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc		—	—
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ		—	—
218	4. Phải thu dài hạn khác		—	—
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		—	—
220	II. Tài sản cố định		18.187.800.019	15.706.708.794
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.150.351.057	7.794.520.395
222	- Nguyên giá		16.659.017.280	12.702.454.983
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.508.666.223)	(4.907.934.588)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		—	—
225	- Nguyên giá		—	—
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		—	—
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	7.907.930.446	7.107.457.937
228	- Nguyên giá		12.022.890.751	8.645.993.297
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.114.960.305)	(1.538.535.360)
230	4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	11	2.129.518.516	804.730.462
240	III. Bất động sản đầu tư		—	—
241	- Nguyên giá		—	—
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		—	—
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		52.671.336.384	1.029.296.669.128
251	1. Đầu tư vào công ty con		—	—
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		—	—
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		—	—
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán	6	52.671.336.384	1.029.296.669.128
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		—	—
258	4. Đầu tư dài hạn khác		—	—
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		—	—
260	V. Tài sản dài hạn khác		26.640.982.298	9.693.595.410
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.929.076.164	7.501.290.698
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		—	—
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	2.339.036.386	1.124.409.808
268	4. Tài sản dài hạn khác	14	2.372.869.748	1.067.894.904
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.089.537.439.731	1.479.209.676.291

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	VNĐ	
			Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		541.145.556.242	155.761.925.505
310	I. Nợ ngắn hạn		539.363.206.242	154.427.388.005
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		—	—
312	2. Phải trả người bán		161.048.250	190.744.300
313	3. Người mua trả tiền trước		—	889.892.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	35.830.723.378	1.555.221.261
315	5. Phải trả người lao động		—	1.710.350.258
316	6. Chi phí phải trả	16	9.216.419.476	749.578.520
317	7. Phải trả nội bộ		—	—
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		448.761.967.063	135.195.579.351
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.898.531.325	1.210.851.120
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		—	—
328	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	43.494.516.750	12.925.171.195
329	12. Dự phòng phải trả ngắn hạn		—	—
330	II. Nợ dài hạn		1.782.350.000	1.334.537.500
331	1. Phải trả dài hạn người bán		—	—
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		—	—
333	3. Phải trả dài hạn khác		—	—
334	4. Vay và nợ dài hạn		—	—
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		—	—
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		1.782.350.000	1.334.537.500
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		—	—
339	8. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		—	—
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.548.391.883.489	1.323.447.750.786
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.538.496.366.573	1.316.045.764.658
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		394.634.000.000	394.634.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		757.828.775.000	757.828.775.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		—	—
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.941.442.200)	(645.000.000)
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		—	—
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		—	—
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.961.374.994	3.961.374.994
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		54.097.834.988	26.458.301.498
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.110.411.526	1.538.895.415
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		328.805.412.265	132.269.417.751
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	9.895.516.916	7.401.986.128
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.089.537.439.731	1.479.209.676.291

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
001	1. Tài sản cố định thuê ngoài	—	—
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	—	—
003	3. Tài sản nhận ký cược	—	—
004	4. Nợ khó đòi đã xử lý	—	—
005	5. Ngoại tệ các loại	91.436.195	122.452.190
006	6. Chứng khoán lưu ký	2.041.245.200.000	2.195.049.720.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	6.1. Chứng khoán giao dịch	1.883.991.420.000	2.084.337.220.000
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	144.269.780.000	1.350.616.510.000
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	1.667.783.750.000	716.019.430.000
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	71.920.890.000	17.701.280.000
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	—	—
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	85.951.930.000	—
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	1.680.000.000	—
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	82.997.690.000	—
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.274.240.000	—
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	—	—
017	6.3. Chứng khoán cầm cố	43.909.450.000	23.713.200.000
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	—	—
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	43.909.450.000	23.713.200.000
020	6.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	—	—
021	6.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	—	—
022	6.4. Chứng khoán tạm giữ	—	—
023	6.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	—	—
024	6.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	—	—
025	6.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	—	—
026	6.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	—	—
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	27.409.400.000	86.999.300.000
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	4.606.100.000	51.682.000.000
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	22.722.100.000	34.628.800.000
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	81.200.000	688.500.000
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	—	—

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	VND	
		Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
032	6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	—	—
033	6.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	—	—
034	6.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	—	—
035	6.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	—	—
036	6.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	—	—
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	—	—
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	—	—
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	—	—
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	—	—
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	—	—
042	6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	—	—
043	6.8.1. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	—	—
044	6.8.2. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	—	—
045	6.8.3. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	—	—
046	6.8.4. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	—	—
047	6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	—	—
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	33.059.090.000	—
	Trong đó:	—	—
051	7.1. Chứng khoán giao dịch	32.930.290.000	—
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	—	—
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	31.623.970.000	—
054	7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	1.306.320.000	—
055	7.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	—	—
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	76.600.000	—
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	—	—
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	76.600.000	—
059	7.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	—	—
060	7.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	—	—

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VNĐ

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
061	7.3. Chứng khoán cầm cố	—	—
062	7.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	—	—
063	7.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	—	—
064	7.3.3. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	—	—
065	7.3.4. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	—	—
066	7.4. Chứng khoán tạm giữ	—	—
067	7.4.1. Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	—	—
068	7.4.2. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	—	—
069	7.4.3. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	—	—
070	7.4.4. Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	—	—
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	52.200.000	—
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	—	—
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	52.200.000	—
074	7.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	—	—
075	7.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	—	—
076	7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	—	—
077	7.6.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	—	—
078	7.6.2. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	—	—
079	7.6.3. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	—	—
080	7.6.4. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của tổ chức khác	—	—
081	7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	—	—
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	—	—
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	—	—
084	10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	—	—

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	VNĐ	
			Năm 2009	Năm 2008
01	1. Doanh thu			
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		121.204.323.347	32.600.815.140
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		267.795.435.514	229.535.249.035
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		150.000.000	–
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		52.741.959	1.222.102.790
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		2.674.026.591	4.555.892.822
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		–	–
01.7	Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá		270.024.519	2.940.794.984
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		–	–
01.9	Doanh thu khác	19	99.131.623.782	93.479.469.324
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		–	–
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		491.278.175.712	364.334.324.095
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(131.126.700.465)	(265.127.698.274)
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chi phí hoạt động kinh doanh</i>		<i>(281.416.752.641)</i>	<i>(292.071.855.839)</i>
	<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</i>		<i>150.290.052.176</i>	<i>26.944.157.565</i>
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		360.151.475.247	99.206.625.821
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(38.272.543.336)	(75.659.385.515)
	<i>Trong đó:</i>			
	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp</i>		<i>(51.130.997.336)</i>	<i>(75.659.385.515)</i>
	<i>Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi</i>		<i>12.858.454.000</i>	–
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		321.878.931.911	23.547.240.306
31	8. Thu nhập khác		14.434.532.505	166.349.412
32	9. Chi phí khác		–	(170.578.606)
40	10. Lợi nhuận/(lỗ) khác	22	14.434.532.505	(4.229.194)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		336.313.464.416	23.543.011.112
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(58.194.145.781)	–
52	13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		–	–
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		278.119.318.635	23.543.011.112
70	15. Lãi trên mỗi cổ phiếu		–	–
	- Lãi cơ bản	24	7.056	601
	- Lãi suy giảm	24	4.704	400

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		336.313.464.416	23.543.011.112
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	- Khấu hao TSCĐ	9, 10	6.226.131.251	3.938.505.396
03	- Các khoản dự phòng		(119.817.718.106)	191.055.977.813
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(150.415.279.815)	(232.496.640.919)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		72.306.597.746	(13.959.146.598)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(768.646.700.578)	183.350.295.844
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		311.936.583.035	(83.464.251.627)
12	- Tăng chi phí trả trước		(15.531.967.018)	(1.987.955.950)
13	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	23.2	(19.802.631.429)	(14.935.361.705)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	8.200.000
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.009.443.076)	(1.435.501.590)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(422.747.561.320)	67.576.278.374
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.707.222.476)	(10.099.708.714)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(563.890.140.078)	(2.776.343.824.478)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.659.338.591.821	1.944.618.962.832
25	5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(907.951.063.720)	(280.351.895.332)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		897.772.762.942	278.292.419.915
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		59.482.174.594	97.441.724.739
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.136.045.103.083	(746.442.321.038)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>VNĐ</i> <i>Năm 2008</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	18.1	-	270.034.696.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	18	(435.242.200)	(215.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(20.769.370.960)	(38.019.370.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(21.204.613.160)	231.800.325.100
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		692.092.928.603	(447.065.717.564)
60	Tiền và các khoản tương đương đầu kỳ		134.722.054.635	581.787.772.199
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương cuối kỳ		826.814.983.238	134.722.054.635

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Chuyển đổi từ các khoản phải trả khác sang vốn cổ phần	-	427.060.794.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001573, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 23 tháng 4 năm 2003, và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 11/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 4 năm 2003.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 1, 2, và 3 số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội, và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là: 212 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2008: 169 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra, không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Năm 2009 là năm đầu tiên Công ty thực hiện áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh của kỳ trước được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại khi Công ty áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán được chi tiết như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên 6 tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm tin học	3 - 4 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng

3.9 Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư tài chính dài hạn được tiếp tục hạch toán theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá, nếu có. Các khoản trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với khoản lãi kể từ ngày mua.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)*

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phân ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

3.10 *Các hợp đồng bán lại*

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được dự thu theo đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi Công ty thực nhận.

3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 *Trợ cấp thôi việc*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2008. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008. Theo đó, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.17 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh bán ra và phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn trái phiếu dài hạn bán ra.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2009	Ngày 31 tháng 12 năm 2008
Tiền mặt	288.475.354	406.867.526
Tiền gửi ngân hàng	826.526.507.884	134.315.187.109
TỔNG CỘNG	826.814.983.238	134.722.054.635

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ một đến hai tháng với lãi suất từ 10,47%/năm đến 13,00%/năm.

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	VNĐ	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Cửa công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu	36.457.137	1.769.392.681.200
- Trái phiếu	19.340.000	2.140.621.070.000
b. Cửa nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	1.510.079.116	60.686.113.731.500
- Trái phiếu	29.184.742	3.094.283.192.000
TỔNG CỘNG	1.595.060.995	67.690.410.674.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

67

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng	Giá trị theo số kế toán	So với giá thị trường		VND Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
I. Chứng khoán thương mại					
- Cổ phiếu niêm yết	3.348.070	180.807.607.116	1.583.069.966	(23.505.513.982)	158.885.163.100
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.081.861	167.788.577.502	6.319.512.398	(57.585.216.530)	116.522.873.370
TỔNG CỘNG		348.596.184.618	7.902.582.364	(81.090.730.512)	275.408.036.470
II. Chứng khoán đầu tư					
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>					
- Trái phiếu	520.745	52.671.336.384	-	-	52.671.336.384

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	348.596.184.618	369.171.202.766
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(81.090.730.512)	(189.549.554.129)
Giá trị thuần đầu tư tài chính ngắn hạn	267.505.454.106	179.621.648.637

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá:

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Dự phòng giảm giá đầu kỳ	189.549.554.129	32.082.058.539
<i>Cộng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	41.831.228.559	184.411.653.155
<i>Trừ:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	(150.290.052.176)	(26.944.157.565)
Dự phòng giảm giá cuối kỳ	81.090.730.512	189.549.554.129

6.2 Chứng khoán sẵn sàng để bán

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Trái phiếu Chính phủ	20.596.836.384	931.435.755.000
Trái phiếu địa phương	32.074.500.000	32.074.500.000
Trái phiếu công ty	-	65.786.414.128
TỔNG CỘNG	52.671.336.384	1.029.296.669.128

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong năm			Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi		
1. Phải thu của khách hàng	2.974.849.166	-	-	62.677.027.744	64.522.009.810	1.129.867.100	1.000.000.000	129.667.100	129.667.100	
- Phải thu dịch vụ tư vấn	944.982.066	-	-	4.062.054.134	5.007.036.200	-	-	-	-	
- Phải thu hoạt động tự doanh	2.029.867.100	-	-	58.614.973.610	59.514.973.610	1.129.867.100	1.000.000.000	129.667.100	129.667.100	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	47.317.151.378	-	35.338.236.723	22.104.489.123.847	21.460.101.297.238	655.156.686.651	-	15.781.390.634	15.781.390.634	
- Phải thu nhà đầu tư nước ngoài	290.961.042	-	-	35.725.516.350	35.536.495.402	479.981.990	-	-	-	
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	47.093.590.336	-	35.338.236.723	4.500.994.204.063	4.467.142.252.983	44.397.250.080	-	15.781.390.634	15.781.390.634	
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	(67.400.000)	-	-	17.400.354.117.339	16.790.062.882.758	610.223.834.581	-	-	-	
- Phải thu khách hàng giao dịch OTC	-	-	-	167.415.286.095	167.359.666.095	55.620.000	-	-	-	
3. Phải thu khác	81.286.304.031	40.527.189.405	-	1.513.001.869.956	1.341.236.091.320	253.052.082.667	27.893.372.903	-	4.936.180.000	
- Kỳ quỹ đầu giá	2.259.671.282	-	-	-	2.259.671.282	-	-	-	-	
- Đặt cọc mua tài sản	5.610.000.000	-	-	-	5.610.000.000	-	-	-	-	
- Phải thu lãi trái phiếu	6.338.771.770	-	-	938.185.392.928	939.247.368.927	5.276.895.771	-	-	-	
- Phải thu lãi tiền gửi Ngân hàng	6.580.000.000	-	-	9.027.343.768	12.744.038.620	2.863.305.148	-	-	-	
- Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán	60.239.155.974	40.527.189.405	-	565.696.013.610	381.041.796.681	244.893.372.903	27.893.372.903	-	4.936.180.000	
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	258.705.005	-	-	93.119.650	333.315.810	18.508.845	-	-	-	
TỔNG CỘNG	131.578.304.575	40.527.189.405	35.338.236.723	23.680.168.021.547	22.865.859.398.368	909.338.636.418	28.893.372.903	15.911.057.734	20.847.237.734	

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tài sản thiếu chờ xử lý	166.200.000	166.200.000
Tạm ứng	312.279.535	206.761.874
Đặt cọc thuê nhà, phần mềm	797.978.161	608.205.661
TỔNG CỘNG	1.276.457.696	981.167.535

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ		
	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Trang thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	3.219.787.884	9.482.667.099	12.702.454.983
- Mua trong năm	-	3.793.835.974	3.793.835.974
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	162.726.323	162.726.323
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.219.787.884	13.439.229.396	16.659.017.280
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	2.913.809.063	2.913.809.063
Giá trị hao mòn:			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	881.648.738	4.026.285.850	4.907.934.588
Khấu hao trong năm	538.904.652	3.061.826.983	3.600.731.635
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.420.553.390	7.088.112.833	8.508.666.223
Giá trị còn lại:			
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	2.338.139.146	5.456.381.249	7.794.520.395
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.799.234.494	6.351.116.563	8.150.351.057

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ
	Phần mềm tin học
Nguyên giá:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	8.645.993.297
- Mua trong năm	2.253.289.641
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.172.582.484
- Xóa sổ	(48.974.671)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	12.022.890.751
Giá trị hao mòn:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	1.538.535.360
- Tăng trong năm	2.625.399.616
- Xóa sổ	(48.974.671)
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.114.960.305
Giá trị còn lại:	
Ngày 01 tháng 01 năm 2009	7.107.457.937
Ngày 31 tháng 12 năm 2009	7.907.930.446

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Nâng cấp phần mềm giao dịch	1.762.604.605	-
Mua sắm tài sản cố định khác	366.913.911	804.730.462
TỔNG CỘNG	2.129.518.516	804.730.462

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Chi phí tiền thuê văn phòng (*)	18.595.617.764	1.310.423.274
Trả trước vật dụng văn phòng	1.789.733.574	1.545.819.710
Chi phí cải tạo văn phòng	1.543.724.826	4.645.047.714
TỔNG CỘNG	21.929.076.164	7.501.290.698

(*): Bao gồm trong số này là khoản tiền 11 tỷ đồng thanh toán 10% giá trị hợp đồng thuê văn phòng tại AB Tower diện tích là 1.802 mét vuông cho thời hạn 40 năm.

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

13. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.140.647.805	978.922.732
Tiền lãi nhận được của năm 2006, 2007	25.487.076	25.487.076
Lãi vay nhận được năm 2009	52.901.505	-
TỔNG CỘNG	2.339.036.386	1.124.409.808

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>	<i>VNĐ</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 23.2)	30.716.234.517	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	318.119.895	-	-
Thuế giá trị gia tăng	84.967.998	231.025.959	-
Các loại thuế khác	4.711.400.968	1.324.195.302	-
TỔNG CỘNG	35.830.723.378	1.555.221.261	-

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Phụ cấp hoàn thành công việc phải trả cho nhân viên	7.167.892.437	-
Phí môi giới phải trả cho Sở GD&ĐT	1.925.527.037	653.578.520
Chi phí hoa hồng môi giới	-	80.000.000
Chi phí phải trả khác	123.000.002	16.000.000
TỔNG CỘNG	9.216.419.476	749.578.520

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Cổ tức phải trả cho cổ đông	42.405.496.459	11.949.619.419
Kinh phí công đoàn	650.236.221	512.795.771
Bảo hiểm xã hội	137.363.075	174.878.436
Bảo hiểm y tế	115.988.459	112.065.900
Bảo hiểm thất nghiệp	74.745.260	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	110.687.276	175.811.669
TỔNG CỘNG	43.494.516.750	12.925.171.195

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp							Thặng dư vốn cổ phần 2008				VND		
	Vốn góp	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng						
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008														
Số dư đầu kỳ	200.000.000.000	-	3.976.374.994	10.717.087.214	3.140.567.259	914.643.935	194.595.180.551	649.443.638.953						
- Tăng vốn	184.634.500.000	-	-	-	-	-	-	697.095.490.000						
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	23.543.011.112	23.543.011.112						
- Trích lập quỹ	-	-	-	15.741.214.284	13.214.514.798	1.321.451.480	(30.277.180.562)	-						
- Sử dụng quỹ	-	-	(15.000.000)	-	(9.383.095.929)	(697.200.000)	-	(827.295.929)						
- Mua cổ phiếu quỹ	-	(645.000.000)	-	-	430.000.000	-	-	(215.000.000)						
- Cổ phiếu thưởng	9.999.500.000	-	-	-	-	-	(9.999.500.000)	-						
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(47.316.077.100)	(47.316.077.100)						
- Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	1.723.983.750	1.723.983.750						
Số dư cuối kỳ	394.634.000.000	(645.000.000)	3.961.374.994	26.458.301.498	7.401.986.128	1.538.895.415	132.269.417.751	1.323.447.750.786						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009									VND
Số dư đầu kỳ	394.634.000.000	757.828.775.000	(645.000.000)	3.961.374.994	26.458.301.498	7.401.986.128	1.538.895.415	132.269.417.751	1.323.447.750.786
- Lợi nhuận trong năm 2009	-	-	-	-	-	-	-	278.119.318.635	278.119.318.635
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.296.442.200)	-	-	861.200.000	-	-	(435.242.200)
- Trích lập/ (hoàn nhập) bổ sung các quỹ của năm tài chính 2008	-	-	-	-	(172.398.374)	2.354.301.112	235.430.111	(2.417.332.849)	-
- Tạm trích lập quỹ cho năm 2009	-	-	-	-	27.811.931.864	-	-	(27.811.931.864)	-
- Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(721.970.324)	-	(663.914.000)	-	(1.385.884.324)
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	-	(51.225.248.000)	(51.225.248.000)
- Các khoản điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	(128.811.408)	(128.811.408)
Số dư cuối kỳ	394.634.000.000	757.828.775.000	(1.941.442.200)	3.961.374.994	54.097.834.988	9.895.516.916	1.110.411.526	328.805.412.265	1.548.391.883.489

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Chi tiết vốn góp

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2009		Ngày 31 tháng 12 năm 2008	
	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Cổ phiếu thường</i>
Vốn góp	394.634.000.000	394.634.000.000	394.634.000.000	394.634.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	757.828.775.000	757.828.775.000	757.828.775.000	757.828.775.000
Cổ phiếu quỹ	(1.941.442.200)	(1.941.442.200)	(645.000.000)	(645.000.000)
TỔNG CỘNG	1.150.521.332.800	1.150.521.332.800	1.151.817.775.000	1.151.817.775.000

18.3 Các giao dịch về vốn và phân phối cổ tức

	VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Vốn đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	394.634.000.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	194.634.000.000
Vốn góp cuối kỳ	394.634.000.000	394.634.000.000
Cổ tức đã trả	20.769.370.960	38.019.370.900

18.4 Cổ tức

	VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm kế toán		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Tạm ứng cổ tức cho năm 2007: 500 đồng/ cổ phiếu	35.354.000	-
Tạm ứng cổ tức cho năm 2008: 700 đồng/ cổ phiếu	9.473.877.270	-
Cổ tức đợt cuối cho năm 2008: 300 đồng/ cổ phiếu (2007: 500 đồng/cổ phiếu)	11.260.139.690	19.673.172.800
Tạm ứng cổ tức cho năm 2009: 1.000 đồng/ cổ phiếu (2008: 700 đồng/cổ phiếu)	-	18.346.198.100

18. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**18.5 Cổ phiếu**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	39.463.400	39.463.400
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	39.463.400	39.463.400
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu quỹ do công ty nắm giữ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	64.628	21.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	39.398.772	39.441.900

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu.

18.6 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Quyết định 27/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 4 năm 2007 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

18.7 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

19. DOANH THU KHÁC

	<i>Năm 2009</i>	<i>VNĐ Năm 2008</i>
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	55.390.431.049	62.932.334.059
Doanh thu hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán	31.411.370.930	-
Doanh thu từ các cam kết mua và bán lại chứng khoán	6.010.703.454	25.013.885.696
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	4.811.538.359	4.465.331.590
Doanh thu khác	1.507.579.990	1.067.917.979
TỔNG CỘNG	99.131.623.782	93.479.469.324

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán (*)	172.770.586.748	78.742.599.987
Chi phí nhân viên	28.259.600.083	11.444.045.092
Chi phí môi giới chứng khoán	26.787.034.698	6.813.568.572
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.739.331.892	3.554.532.103
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.325.595.986	1.760.901.166
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	318.102.575	140.886.653
Chi phí khác	1.385.272.100	5.203.669.111
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	41.831.228.559	184.411.653.155
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(150.290.052.176)	(26.944.157.565)
TỔNG CỘNG	131.126.700.465	265.127.698.274

(*): Theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán của Bộ Tài chính, các khoản kinh doanh hoạt động chứng khoán góp vốn khi có lãi (giá bán cao hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục doanh thu, khi lỗ (giá bán thấp hơn giá gốc) thì ghi nhận vào khoản mục chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán.

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nhân viên quản lý	22.606.369.054	15.993.114.336
Chi phí thuê văn phòng	9.765.115.822	5.416.096.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.737.800.103	10.551.030.262
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	4.931.387.498	5.547.874.071
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.900.535.265	2.176.176.512
Thuế, phí và lệ phí	558.762.469	365.853.097
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	209.695.521	1.869.755.110
Chi phí khác bằng tiền	369.584.593	1.085.540.647
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.051.747.011	32.653.944.723
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(12.858.454.000)	-
TỔNG CỘNG	38.272.543.336	75.659.385.515

22. LỢI NHUẬN KHÁC

	<i>Năm 2009</i>	<i>VND</i> <i>Năm 2008</i>
Thu nhập khác		
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền góp vốn (*)	14.424.300.000	-
Thu nhập khác	10.232.505	166.349.412
	14.434.532.505	166.349.412
Chi phí khác	-	(170.578.606)
LỢI NHUẬN KHÁC	14.434.532.505	(4.229.194)

(*): Đây là khoản thu nhập từ chuyển nhượng quyền đầu tư góp vốn dự án xây dựng nhà ở vào dự án của Công ty TNHH TM Him Lam.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập với thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm đầu và 25% trong những năm tiếp theo. Các điều khoản trong giấy phép kinh doanh chứng khoán của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm tính từ năm có lãi chịu thuế đầu tiên (2003 - 2004) và được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm tiếp theo (2005 - 2007).

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 01 năm 2009, Công ty thỏa mãn điều kiện là doanh nghiệp vừa và nhỏ nên được giảm 30% thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn năm 2008 và cả năm 2009.

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<i>Năm 2009</i>	<i>VND</i> <i>Năm 2008</i>
Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 20%	54.845.020.502	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu năm trước	19.802.631.429	-
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC	(16.453.506.150)	-
TỔNG CỘNG	58.194.145.781	-

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và kết quả của lãi theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty:

	VNĐ	
	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận thuần trước thuế	336.313.464.416	23.543.011.112
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	108.000.000	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(6.174.580.324)	(20.791.561.083)
Hoàn nhập dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(56.021.781.581)	-
Thu nhập trái tức không chịu thuế	-	(46.291.543.931)
Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính năm hiện hành	274.225.102.511	(43.540.093.902)
Thuế TNDN phải trả theo thuế suất 20%	54.845.020.502	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu năm trước	19.802.631.429	-
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC	(16.453.506.150)	-
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	58.194.145.781	-
Thuế TNDN (nộp thừa)/phải trả đầu năm	(7.675.279.835)	7.260.081.870
Thuế TNDN đã trả trong năm	(19.802.631.429)	(14.935.361.705)
Thuế TNDN phải trả/(nộp thừa) cuối năm	30.716.234.517	(7.675.279.835)

23.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	278.119.318.635	23.543.011.112
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	278.119.318.635	23.543.011.112
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	39.415.855	39.200.372
<i>Ảnh hưởng suy giảm:</i>		
Cổ phiếu thưởng (*)	19.707.927	19.600.186
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	59.123.782	58.800.558

(*): Theo thông báo 784/TB-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 23 tháng 12 năm 2009, ngày đăng ký cuối cùng thưởng cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thặng dư với tỷ lệ thực hiện là 2:1 (cổ đông sở hữu hai cổ phiếu sẽ nhận được một cổ phiếu thưởng) là ngày 29 tháng 12 năm 2009.

Công ty không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2009 bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ</i> <i>Giá trị</i>
Công ty TNHH Dragon Capital Markets (DC)	Cổ đông	Cổ tức	3.666.000.000
		Mua chứng khoán	19.942.500.000
		Bán chứng khoán	71.163.760.000
		Phí môi giới	127.236.134
Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (HIFU)	Cổ đông	Cổ tức	12.000.000.000
		Bán chứng khoán	23.137.080.000
		Phí môi giới	23.137.080

THUYẾT MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC CÙNG NGÀY

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải trả</i>
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán			
Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (HIFU)	Cổ đông	Tiền gửi giao dịch chứng khoán	11.892.924

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

	VNĐ	
	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
Lương và thưởng	6.607.370.305	3.672.890.000

26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê các văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Tại thành phố Hồ Chí Minh:

- Trụ sở chính tại số 6 Thái Văn Lung, Quận 1
- Văn phòng chi nhánh tại 569-571-573 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1
- Phòng giao dịch tại số 36 Hậu Giang, Phường 2, Quận 6
- Văn phòng AB số 76 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1

Tại Hà Nội:

- Văn phòng chi nhánh tại số 6 phố Lê Thánh Tông, Quận Hoàn Kiếm
- Văn phòng chi nhánh tại số 19 Láng Hạ, Quận Ba Đình
- Văn phòng chi nhánh tại số 193C Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2008</i>
Đến 1 năm	2.883.705.300	2.975.592.744
Trên 1 đến 5 năm	22.929.088.126	8.832.351.479
Trên 5 năm	102.144.892.331	-
TỔNG CỘNG	115.342.078.427	11.807.944.223

27. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 01 tháng 02 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định 19/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận cho Công ty được niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm và Thông báo 79/TB-SGDHCM về việc niêm yết và giao dịch bổ sung cổ phiếu phát hành thêm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chính thức giao dịch ngày 09 tháng 02 năm 2010. Số lượng cổ phiếu niêm yết bổ sung là 19.699.386 cổ phiếu.

MẠNG LƯỚI TRUNG TÂM GIAO DỊCH



1. TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3,
Tòa nhà Capital Place,
Số 6 Thái Văn Lung,
Quận 1, TP.HCM
Tel. (+84 8) 3823 3299
Fax. (+84 8) 3823 3301



4. CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 6 Lê Thánh Tông,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel. (+84 4) 3933 4693
Fax. (+84 4) 3933 4822



2. PHÒNG GIAO DỊCH TRẦN HƯNG ĐẠO

Số 569-571-573
Trần Hưng Đạo,
Phường Cầu Kho,
Quận 1, TP.HCM
Tel. (+84 8) 3836 4189
Fax. (+84 8) 3836 4198



5. PHÒNG GIAO DỊCH LÁNG HẠ

Số 19 Láng Hạ,
Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel. (+84 4) 3514 7799
Fax. (+84 4) 3514 9520



3. PHÒNG GIAO DỊCH HẬU GIANG

Số 36 Hậu Giang, Phường 2,
Quận 6, TP.HCM
Tel. (+84 8) 3969 8182
Fax. (+84 8) 3969 8183



6. PHÒNG GIAO DỊCH BÀ TRIỆU

Số 193C Bà Triệu,
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Tel. (+84 4) 3974 8748
Fax. (+84 4) 3974 8540





CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 1, 2 & 3, Tòa nhà Capital Place,
Số 6 Thái Văn Lung, Quận 1, TP.HCM
ĐT: (+84 8) 3 823 3299
F: (+84 8) 3 823 3301
E: info@hsc.com.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 6 Lê Thánh Tông,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (+84 4) 3 933 4693
F: (+84 4) 3 933 4822
E: info@hsc.com.vn

W: www.hsc.com.vn